HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54/2026/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 3269/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 837/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở chăn nuôi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động chăn nuôi và nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc quản lý các hoạt động chăn nuôi, nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Khu vực các khu phố, ấp và khu, cụm dân cư, tuyến dân cư theo phụ lục đính kèm.

2. Khu đô thị; khu dân cư; khu tái định cư; cụm, tuyến dân cư; khu nhà ở thương mại; khu nhà ở xã hội; khu chung cư; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu kinh tế; công trình trụ sở của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình công cộng; khu bảo tồn thiên nhiên; khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được xếp hạng; khu bảo vệ cảnh quan đã hiện hữu hoặc có chủ trương đầu tư, hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết và đã công bố quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Nhà yến phải có khoảng cách tối thiểu 300 m tính từ khu vực quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

3. Nhà yến phải đáp ứng các quy định khác tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Cơ sở chăn nuôi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác được phép chăn nuôi ngoại trừ Nhà yến.

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề; một phần chi phí tháo dỡ để di dời và một phần chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời.

b) Mỗi cơ sở thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần.

c) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi các cơ sở chăn nuôi chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi, di dời đến địa điểm mới hoặc ngừng hoạt động và chuyển đổi ngành nghề theo quy định.

d) Không hỗ trợ đối với các cơ sở chăn nuôi xây dựng tại khu vực không được phép chăn từ khi Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Long An và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có hiệu lực cho đến thời điểm các Nghị quyết trên được thay thế.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/cơ sở.

c) Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa 03 tháng lương cơ sở/người.

4. Thời gian thực hiện: Chính sách hỗ trợ được thực hiện trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách nhà nước

a) Sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công đối với các chính sách quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này. Các đối tượng sử dụng nguồn vốn đầu tư công này là đối tượng chính sách khác quy định tại khoản 6, Điều 5 Luật Đầu tư công.

b) Sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên đối với các chính sách quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này, trừ trường hợp các chính sách quy định tại điểm a khoản này.

2. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và điều chỉnh, bổ sung khu vực tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này trong trường hợp cần thiết hoặc thay đổi địa giới hành chính, đảm bảo đáp ứng quy định về quy hoạch, mỹ quan đô thị, môi trường và an toàn dịch bệnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Long An và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tổ chức, cá nhân đã có nhà yến không thuộc khu vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này thì giữ nguyên hiện trạng (không bắt buộc di dời), không được cơi nới, không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân đã có cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này thì trong thời hạn là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI, Kỳ họp thứ 5 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Các Phòng thuộc VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục

KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

(Kèm theo Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
1	Xã Hưng Điền	1. Cụm dân cư Kinh Mới- Gò Pháo: - Đường ĐT 819 từ cầu KT7 đến vòng xoay Gò Pháo. - Điểm đầu cầu KT9, điểm cuối hết tuyến 2. Ấp Cây Me: Cụm dân cư Chợ Hưng Điền, điểm đầu cầu KT11, điểm cuối cây xăng Hiền Hồng 3. Cụm dân cư kênh KT7 (Hưng Điền B): Điểm đầu cầu KT7, điểm cuối cây xăng ông Bùi Văn Làn 4. Cụm dân cư Hưng Hà: Điểm đầu kênh Sông Trăng, điểm cuối hết cụm dân cư 5. Tuyến dân cư Lê Văn Khương: Điểm đầu kênh 79, điểm cuối kênh T1 6. Ấp Ba Gò: - Tuyến dân cư Công Bình: Điểm đầu kênh Cả Bát, điểm cuối giáp xã Tân Thành, tỉnh Đồng Tháp. - Tuyến dân cư Tân Thành - Lò Gạch: Điểm đầu Giáp tỉnh Đồng Tháp, điểm cuối giáp xã Vĩnh Hưng. 7. Tuyến dân cư kênh 79 Hưng Điền: Điểm đầu đường ĐT820, điểm cuối hết tuyến 8. Tuyến dân cư cặp kênh Sông Trăng từ đoạn KT5 đến đoạn T7.
2	Xã Vĩnh Thạnh	1. Cụm dân cư vượt lũ Gò Gòn: Điểm đầu trường TH-TH CS Hưng Thạnh, điểm cuối kênh T35. 2. Cụm dân cư vượt lũ Vĩnh Châu B: Điểm đầu kênh T2, điểm cuối giáp ấp Vọng Nguyệt. 3. Ấp Thạnh Hưng: - Tuyến dân cư vượt lũ Sông Trăng: Điểm đầu kênh T3, điểm cuối kênh T5. - Tuyến dân cư vượt lũ Cả Bát: Điểm đầu giáp ranh đất ông Lê Văn Đồn, điểm cuối ranh đất ông Nguyễn Văn Trực. 4. Ấp Hưng Thạnh: - Tuyến dân cư vượt lũ kênh Kobe: Điểm đầu kênh 79, điểm cuối kênh Nhà Thiết. - Tuyến dân cư vượt lũ Kênh T35: Điểm đầu kênh Đìa Việt, điểm cuối kênh Đìa Gáo.
3	Xã Tân Hưng	1. Ấp Rọc Chanh. 2. Ấp Bàu Chứa. 3. Ấp Gò Thuyền Các khu, cụm, tuyến dân cư 1. Cụm dân cư ấp Vĩnh Thạnh: Điểm đầu kênh Hậu 831 đến bến đò Rượng Lưới. 2. Tuyến dân cư Đường Xe: Điểm đầu cầu Rọc Bắc Heo. Điểm cuối cây xăng Hoàng Rinl. 3. Tuyến dân cư cặp kênh 79: đoạn kênh Ấp Gò Thuyền – Cầu Cả Nổ.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		4. Tuyến dân cư cặp đường ĐH 831, ấp Cả Bát: Đoạn từ cầu Rọc Bắc Heo đến cổng chào Trung Tâm xã. 5. Tuyến đường Rượng Lưới - Đường Xe: Điểm đầu bến đò Rượng Lưới, điểm cuối: kênh Tập Đoàn 12. 6. Cụm dân cư ấp Cả Sách: Điểm đầu cầu Cả Sách, điểm cuối nhà ông Trần Hữu Tâm. 7. Tuyến đường 831E: Điểm đầu giáp đường ĐT 819, điểm cuối cụm dân cư ấp Cả Sách. 8. Tuyến đường bờ Tây kênh 1/5: Điểm đầu từ ĐT 819, điểm cuối cụm dân cư ấp Cả Sách. 9. Tuyến đường 2 bên rạch Ngọn Trên: Điểm đầu từ cầu Ngọn Trên, điểm cuối kênh Tập Đoàn 1. 10. Tuyến dân cư cặp đường ĐH 819, ấp Vĩnh Lợi: Điểm đầu giáp ranh thửa đất bà Nguyễn Thị Quý, điểm cuối thửa đất ông Nguyễn Văn Lành.
4	Xã Vĩnh Châu	1. Cụm dân cư vượt lũ Vĩnh Đại: Điểm đầu kênh Ngang, điểm cuối: Trung Tâm Cung ứng dịch vụ công xã. 2. Cụm dân cư vượt lũ Vĩnh Bửu: Điểm đầu kênh Ngang, điểm cuối kênh Đoạn Vy 3. Cụm dân cư vượt lũ kênh 1/5: Điểm đầu kênh 1/5, điểm cuối trường TH và THCS Vĩnh Châu A 4. Tuyến dân cư vượt lũ cặp Kênh 79: Điểm đầu lô A1 (trạm cấp nước Cà Dăm), điểm cuối lô C46 (Nguyễn Văn Đoàn).
5	Xã Tuyên Bình	1. Ấp Vĩnh Bình - Cụm dân cư Bình Châu A: Từ đầu cầu kênh 28 đến cầu Bình Châu. - Cụm dân cư Bình Châu B: Từ rạch Tà Me đến hết đường số 07. - Cụm dân cư Bình Châu B mở rộng: Từ đường số 07 đến hết phần còn lại giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 46. - Cụm dân cư Vĩnh Bình: Từ cầu Tân Đô đến cuối kênh 1B (hướng đường ĐT 831C). - Tuyến dân cư Bình Châu: Từ cầu kênh 28 đến cầu Bình Châu. 2. Ấp Cả Rưng: Từ cổng chào kênh 04 mét đến hết đường số 02 cụm dân cư (khu nhà công vụ giáo viên). 3. Ấp Long Khốt - Cụm dân cư Trung Trực: Từ bờ tây kênh 504 đến giáp với kênh Ủy ban cũ và sông Long Khốt - Cụm dân cư Trung Tâm Thái Bình Trung mở rộng: Từ cầu kênh Ủy ban cũ đến cụm dân cư Trung Trực. 4. Ấp Rạch Mây: Từ cầu kênh 61 đến cầu dây qua Chùa Nổi. 5. Ấp Thái Bình Trung: Cụm dân cư Láng Đao, từ cặp sông Long Khốt đến Đường số 04. 6. Ấp Bình Châu: Tuyến dân cư 504 Vĩnh Bình - Vĩnh Thuận, từ cầu Tân Đô đến kênh Lô 9.
6	Xã Vĩnh Hưng	1. Ấp Vĩnh Hưng. 2. Ấp Măng Đa. 3. Ấp Bàu Sậy.
		Các khu, cụm, tuyến dân cư

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		1. Ấp Vĩnh Thuận: Khu dân cư Vĩnh Thuận, phía đông giáp điểm có tọa độ là X: 500398.55; Y: 1199624.46; phía tây giáp điểm có tọa độ là X: 500538.49; Y: 1199461.34; phía nam giáp điểm có tọa độ là X: 501085.66; Y: 1199883.63; phía bắc giáp điểm có tọa độ là X: 500903.55; Y: 1200058.93. 2. Ấp Vĩnh Trị: - Khu dân cư Vĩnh Trị, phía đông giáp điểm có tọa độ là X: 499301.32; Y: 1206740.87; phía tây giáp điểm có tọa độ là X: 499071.28; Y: 1206886.68; phía nam giáp điểm có tọa độ là X: 499151.92; Y: 1207015.22; phía bắc giáp điểm có tọa độ là X: 499391.90; Y: 1206858.89. - Tuyến dân cư Tân Thành – Lò Gạch: Từ đường ĐH 831B (cầu KT6) đến Cầu qua Kênh Hưng Điền. - Tuyến dân cư KT7: Từ bờ Nam kênh 28 đến ranh xã Hưng Điền. 3. Ấp Chiến Thắng: Tuyến dân cư Vĩnh Hưng – Tân Hưng, từ Cầu kênh 28 đến Cầu N1.
7	Xã Khánh Hưng	1. Cụm dân cư vượt lũ Thái Trị: - Điểm đầu trụ sở UBND xã Thái Trị cũ, điểm cuối nhà văn hóa ấp Thái Quang. - Tuyến dân cư vượt lũ Thái Hòa: Điểm đầu kênh Thái Kỳ, điểm cuối máng nước nội đồng. 2. Tuyến dân cư Hưng Điền: Điểm đầu kênh Rọc Bùi, điểm cuối đê bao Huyết Rồng. 3. Tuyến dân cư vượt lũ Láng Lớn: - Điểm đầu kênh KT2, điểm cuối máng nước nội đồng. - Điểm đầu kênh KT6, điểm cuối kênh Láng Vạt.
8	Xã Tuyên Thạnh	1. Cụm dân cư Bắc Chan: - Điểm đầu rạch Cái Cát, điểm cuối rạch Cái Sậy, cặp đường liên xã Tuyên Thạnh - Thạnh Hưng, bán kính 300 m từ tim đường nội bộ trung tâm cụm dân cư, - Điểm đầu rạch Cái Sậy, điểm cuối rạch Bắc Chan, cặp đường liên xã Tuyên Thạnh - Thạnh Hưng, bán kính 350 m từ tim đường liên xã Tuyên Thạnh - Thạnh Hưng trung tâm cụm dân cư. 2. Cụm dân cư Sồ Đô: Điểm đầu kênh Đốc Ấn, điểm cuối kênh Cả Gừa, cặp đường liên xã Tuyên Thạnh - Thạnh Hưng, bán kính 300 m từ tim đường nội bộ trung tâm cụm dân cư 3. Cụm dân cư Bàu Môn: Điểm đầu kênh Tập Đoàn 9, điểm cuối kênh Xáng, bán kính 300 m từ tim đường nội bộ trung tâm cụm dân cư 5. Cụm dân cư Thận Cần: Điểm đầu kênh Tập Đoàn 8, điểm cuối kênh Lô B, đường cặp kênh Quận, bán kính 300 m từ tim đường nội bộ trung tâm cụm dân cư 6. Khu vực xung quanh trường THCS Nguyễn Hồng Sến, ấp Bắc Chan 2: Bán kính 300 m xung quanh trường. 7. Khu vực xung quanh trường tiểu học Thạnh Hưng, ấp Cả Gừa: Bán kính 300 m xung quanh trường. 8. Khu vực xung quanh trường THCS Trần Văn Trà, ấp Bàu Vuông: Bán kính 300 m xung quanh trường.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
9	Xã Bình Hiệp	1. Cụm dân cư Bình Tây: Điểm đầu đường ĐH 817, điểm cuối khoảng cách 150 m từ đường ĐH 817. 2. Cụm dân cư Bình Hòa Tây - Cụm dân cư Trung tâm: Điểm đầu đường cập kênh 6, điểm cuối khoảng cách 150 m từ kênh 61 - Tuyến dân cư 61: Điểm đầu đường cập kênh 61, điểm cuối khoảng cách 150m từ kênh 61 3. Cụm dân cư Thạnh Trị: -Điểm đầu đường liên xã Bình Hiệp - Thạnh Trị, điểm cuối khoảng cách 150 m từ đường liên xã Bình Hiệp - Thạnh Trị - Điểm đầu Quốc lộ 62, điểm cuối khoảng cách 150m từ Quốc lộ 62. 4. Cụm dân cư Biên Phòng: Điểm đầu tỉnh lộ 831, điểm cuối khoảng cách 150m từ tỉnh lộ 831. 5. Cụm dân cư Bình Tân: Điểm đầu đường Bình Tân, điểm cuối khoảng cách 150m từ đường Bình Tân 6. Tuyến dân cư Cái Đôi: Điểm đầu đường cập kênh 61, điểm cuối khoảng cách 150m từ kênh 61.
10	Xã Bình Hòa	1. Cụm dân cư Ấp Bình Hòa Trung: Điểm đầu (gần ngã tư cây khô lớn) cách đường ĐH 817 là 18 m, điểm cuối cách đường ĐH 817 là 170 m. 2. Cụm dân cư Ấp Bình Thạnh: - Trung Tâm xã Bình Thạnh: Điểm đầu (ngã tư kênh 61) giáp đường kênh Cả Dứa, điểm cuối cách dường kênh Cả Dứa là 246 m. - Điểm đầu (Ngã Tư đường kênh 61, giao với kênh 90) cách đường Kênh 61 là 81 m giáp với kênh 90, điểm cuối cách đường kênh 61 là 178 m. - Tuyến dân cư Cây Khô lớn: Điểm đầu (Ngã tư kênh 61 giao với đường kênh Cây Khô Lớn) cách dường kênh Cây Khô Lớn 29 m, điểm cuối cách dường kênh cây khô lớn là 63 m. 3. Ấp Bình Hòa Đông 1: - Cụm dân cư Cả Dứa: Điểm đầu cách đường ĐH 817 là 18 m, điểm cuối cách đường ĐH 817 là 315 m. - Tuyến dân cư Cả Dứa: Điểm đầu cách dường kênh Cả Dứa - Bình Thạnh là 10 m, điểm cuối cách đường Cả Dứa - Bình Thạnh là 30 m. 4. Cụm dân cư Ấp Bình Hòa Đông 2: Điểm đầu cách dường tỉnh 817 là 18 m, điểm cuối cách đường ĐH 817 là 246 m. 5. Tuyến dân cư Ấp Bình Đông: Điểm đầu (cầu xuyên Bình Nam) cách đường ĐH 817 là 8m, điểm cuối cách đường ĐH 817 là 30 m.
11	Xã Mộc Hoá	1. Ấp Bình Phong Thạnh 2
		Các khu, cụm, tuyến dân cư 1. Ấp Cả Đá: -Cụm dân cư Tân Thành: Điểm đầu giáp trường mầm non Tân Thành, điểm cuối cách trường mầm non Tân Thành là 214 m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Tuyến dân cư KT1 Tân Thành: Điểm đầu cách cầu UBND xã Tân Thành củ là 203 m, điểm cuối cách cầu Kênh 12 là 68 m. 2. Ấp Tân Lập 3: Cụm dân cư Tân Lập, điểm đầu cách Quốc lộ 62 là 131 m, điểm cuối cách Quốc lộ 62 là 315,5 m. 3. Ấp Tân Lập 4: Cụm dân cư 79, điểm đầu cách ngã ba Quốc lộ 62 - ĐT 819 là 179,5 m, điểm cuối cách ngã ba Quốc lộ 62 - ĐT 819 là 643,5 m
12	Xã Hậu Thạnh	1. Cụm dân cư vượt lũ Hậu Thạnh Đông: Diện tích 4,3 ha, điểm đầu cách đường ĐT 837 là 300 m, điểm cuối cách đường ĐT 837 là 500 m. 2. Cụm dân cư vượt lũ Hậu Thạnh Tây: Diện tích 4,7 ha, điểm đầu đường ĐT 837, điểm cuối cách đường ĐT 837 là 400 m. 3. Cụm dân cư vượt lũ Bắc Hòa: Diện tích 5,4 ha, điểm đầu: ĐT 837 B, điểm cuối kênh 500. 4. Tuyến dân cư vượt lũ kênh Bùi Cũ: Chiều dài 1.000 m, điểm đầu đường ĐT 837; điểm cuối kênh 1.000 Nam. 5. Tuyến dân cư vượt lũ kênh Quận nối dài: Chiều dài 1.000 m, điểm đầu đường ĐT 837B, điểm cuối kênh 1.000 Bắc nối dài.
13	Xã Nhơn Hòa Lập	1. Ấp 1: - Cụm dân cư vượt lũ trung tâm xã Nhơn Hòa Lập: Trung tâm UBND xã Nhơn Hòa Lập cũ, tọa độ X là 11755537,53; tọa độ Y là 518698,26 (điểm gần là 75 m; điểm xa nhất là 116 m). - Cụm dân cư vượt lũ Tân Lập: Trung tâm UBND xã Nhơn Hòa Lập mới, có tọa độ là X: 1175167,19; Y: 521069,39 (điểm gần là 86 m; điểm xa nhất là 214 m). - Tuyến dân cư vượt lũ kênh Bùi Mới: Điểm đầu có tọa độ X: 1171981,71; Y: 521189,9; điểm cuối có tọa độ X: 1171818,94; Y: 522734,81. - Tuyến dân cư vượt lũ Bằng Lăng: Điểm đầu có tọa độ X: 1174573,38; Y: 523890,9; điểm cuối có tọa độ X: 11718894,93; Y: 522765,95. 2. Ấp 3 - Tuyến dân cư vượt lũ kênh Cà Nhíp (N): Điểm đầu có tọa độ X: 1171542,58; Y: 530612,12; điểm cuối có tọa độ X: 1172191,71; Y: 528553,92. -Tuyến dân cư vượt lũ kênh Cà Nhíp (B): Điểm đầu có tọa độ X: 1175892,56; Y: 529125,35; điểm cuối có tọa độ X: 1176175,47; Y: 526797,58. 3. Ấp 4: - Tuyến dân cư vượt lũ Kênh Đạo: Điểm đầu có tọa độ X: 1177760,52; Y: 517134,16; điểm cuối có tọa độ X: 1176259,3; Y: 516789,8.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		4. Ấp 6: - Tuyến dân cư vượt lũ Bảy Thước: Điểm đầu có tọa độ X: 1178185,54; Y: 522126,44; điểm cuối có tọa độ X: 1178305,88; Y: 521433,11. - Cụm dân cư vượt lũ điểm 7 mét: Điểm trung tâm là đường nội bộ của cụm có tọa độ X: 1178958,63; Y: 518852,49 (điểm gần là 63 m; điểm xa nhất là 110 m). 5. Ấp 7: Cụm dân cư vượt lũ Nhơn Hòa: Điểm trung tâm là Nhà văn hóa có tọa độ X: 527240,76; Y: 1178032,10 (điểm gần là 75 m; điểm xa nhất là 250 m).
14	Xã Nhơn Ninh	1. Ấp Tân Ninh: Cụm dân cư vượt lũ Nhơn Ninh, diện tích: 4,8167 ha (dài 265,2 m; rộng 222,7 m), điểm đầu cách bờ nam kênh Năm Ngàn 254 m, điểm cuối bờ tây kênh Tây. 2. Ấp Năm Ngàn: Cụm dân cư vượt lũ Tân Ninh, diện tích 2,5723 ha (dài 171,5 m; rộng 167,5 m), điểm đầu bờ bắc kênh Năm Ngàn, điểm cuối bờ bắc kênh Năm Ngàn nối dài đến bờ đông kênh Bùi Mới. 3. Ấp Tân Thành: Cụm dân cư vượt lũ Tân Thành, diện tích 3,89 ha (dài 255,52 m; rộng 162,35 m), điểm đầu bờ bắc kênh Năm Ngàn, điểm cuối bờ tây kênh Bùi Mới. 4. Ấp Bằng Lăng: Tuyến dân cư vượt lũ Dương Văn Dương, diện tích 1,6273 ha (dài 2.894 m; rộng 57,8 m), điểm đầu bờ nam kênh Năm Ngàn, điểm cuối bờ bắc Kênh số 5. 5. Ấp Kênh Bùi: Tuyến dân cư vượt lũ kênh Quận nối dài, diện tích 10,8926 ha (dài 2.063 m; rộng 52,8 m), điểm đầu bờ nam kênh Năm Ngàn, điểm cuối bờ đông kênh Ranh.
15	Xã Tân Thạnh	1. Ấp Tân Thạnh (Ngoại trừ khu vực từ kênh Hiệp Thành đến Quốc lộ N2 có tọa độ: X=533112:582:0.0090 Y=1171904:294:0.0040; Điểm tọa độ: X=533920:650:0.0000 Y=1172263:320:0.0000; Điểm tọa độ: X=533521:300:0.9622; Y=1173460:768:0.3006 Đến Quốc lộ N2) 2. Ấp Kiến Bình (Ngoại trừ một phần ấp Bảy Mét, từ tọa độ: Điểm tọa độ X=530181:569:0.2174 Y=1173638:308:0.5198; Điểm tọa độ X=530391:274:0.7212 Y=1175451:907:0.1544 đến giáp ranh xã Nhơn Hoà Lập).
		Các khu, cụm, tuyến dân cư 1. Cụm dân cư vượt lũ Kiến Bình: Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m. 2. Cụm dân cư vượt lũ ấp Hiệp Thành: Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m. 3. Cụm dân cư vượt lũ Tân Hòa: Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m. 4. Cụm dân cư vượt lũ Bảy Mét: Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m. 5. Cụm dân cư vượt lũ Cá Tôm: Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m. 6. Tuyến dân cư vượt lũ liên ấp Tân Thạnh-Hiệp Thạnh (Cà Nhíp - Năm Ngàn, Xóm Than): Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m. 7. Tuyến dân cư vượt lũ 30/4: Từ vị trí đất cụm dân cư bán kính ra các vị trí lân cận là 100 m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Điểm N5: Phía đông Hầm Đất; phía tây: Đường GTNT N5; phía nam: kênh M2; phía bắc kênh M1. - Điểm M3: Phía đông kênh Maren; phía tây: kênh M3; phía nam: đường GTNT; phía bắc Hầm Đất. - Cụm dân cư Thuận Hiệp: Phía đông: Giáp Maren; phía tây giáp thửa 646, tờ bản đồ số 4; phía nam giáp thửa 37 tờ bản đồ số 9; phía bắc đường GTNT 61. - Điểm kênh Trung Tâm (A): Phía đông kênh N5; phía tây giáp thửa 157, tờ bản đồ số 2; phía nam Hầm Đất; phía bắc đường CTNT kênh Trung Tâm. - Điểm kênh Trung Tâm (B): Phía đông: Giáp thửa 139, tờ bản đồ số 2; phía tây kênh N8; phía nam Hầm Đất; phía bắc đường CTNT kênh Trung Tâm. 8. Tuyến dân cư vượt lũ kênh 90C -Đồng Khởi: - Điểm 90C(A): Phía đông kênh 90C; phía tây Hầm Đất; phía nam M2; phía bắc kênh M1. - Điểm 90C(B): Phía đông kênh 90C; phía tây Hầm Đất; phía nam kênh nội đồng; phía bắc kênh M3. 9. Cụm dân cư Đồn A: Phía đông kênh Trà Cú; phía tây kênh An Xuyên; phía nam đường giáp ranh trường THCS; phía bắc kênh An Xuyên. 10. Cụm dân cư khu dân cư tập trung 61: Phía đông Hầm Đất; phía tây kênh Maren; phía nam đường ĐH 839; phía bắc đường GTNT 61. - Khu hành chính xã Bình Thành mới, thửa đất số 78 và thửa đất số 81. - Điểm kênh 1 (T5): Phía đông đường T4 - T5; phía tây kênh 1500; phía nam Hầm Đất; phía bắc đường GTNT T5. - Điểm kênh 3: Phía đông giáp thửa 307, tờ bản đồ số 6; phía tây kênh 3; phía nam Hầm Đất; phía bắc đường GTNT T5. -Tuyến dân cư vượt lũ T3: Điểm kênh 4, phía đông kênh 3500; phía tây giáp K4; phía nam giáp đường GTNT T 3; phía bắc đường Hầm Đất . - Điểm kênh 10: Phía đông kênh 9500; phía tây giáp K10; phía nam đường GTNT T3; phía bắc Hầm Đất. - Điểm kênh 12: Phía đông kênh 9500; phía tây kênh 10; phía nam giáp đường GTNT T3; phía bắc giáp Hầm Đất.
16	Xã Bình Thành	1. Tuyến dân cư vượt lũ Ấp Thuận Bình: Phía đông điểm kênh 4; phía Tây kênh 3500; phía nam giáp K4; phía nam: giáp đường GTNT T 3; phía bắc đường Hầm Đất. - Điểm Kênh 10: Phía đông kênh 9500; phía tây giáp K10; phía nam đường GTNT T3; phía bắc Hầm Đất. - Điểm Kênh 12: Phía đông kênh 9500; phía tây kênh 10; phía nam giáp đường GTNT T3; phía bắc giáp Hầm Đất. 2. Ấp Bình Hòa Hưng:

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Điểm Kênh 1 (T5): Phía đông đường T4 - T5; phía tây kênh 1500; phía nam Hầm Đất; phía bắc đường GTNT T5. - Điểm Kênh 3: Phía đông giáp thửa 307, tờ bản đồ số 6; phía tây kênh 3; phía nam Hầm Đất; phía bắc đường GTNT T5. 3. Thuận Hiệp - Điểm N5: Phía đông: Hầm Đất; phía tây đường GTNT N5; phía nam kênh M2; phía bắc kênh M1. - Điểm M3: Phía đông kênh Maren; phía tây: Kênh M3.3; phía nam: đường GTNT; phía bắc: Hầm Đất. - Cụm dân cư Thuận Hiệp: Phía đông: giáp Maren; phía tây: giáp thửa 646, tờ bản đồ số 4; phía nam: giáp thửa 37, tờ bản đồ số 9; phía bắc: đường GTNT 61. 4. Tân Hiệp: - Điểm kênh Trung Tâm (A): Phía đông: Kênh N5; phía tây: giáp thửa 157, tờ bản đồ số 2; phía nam: Hầm Đất; phía bắc: đường CTNT kênh Trung Tâm - Điểm kênh Trung Tâm (B): Phía đông: Giáp thửa 139, tờ bản đồ số 2; phía tây: Kênh N8; phía nam: Hầm Đất; phía bắc: đường CTNT kênh Trung Tâm. 5. Cụm dân cư khu dân cư tập trung Ấp Mỏ Vẹt: Phía đông: Hầm Đất; phía tây: kênh Maren; phía nam: đường ĐH 839; phía bắc: đường GTNT 61.
17	Xã Thạnh Phước	1. Cụm dân cư Thạnh Phú: Điểm đầu: kênh tắc tuyến 817 (phía đông giáp thửa 482, tờ bản đồ số 10; phía tây giáp sông Vàm Cỏ Tây; phía nam giáp thửa 830, thửa 713, tờ bản đồ số 10; phía bắc giáp kênh 2/9), điểm cuối: cầu Maren tuyến 817 (phía đông giáp kênh Maren; phía tây giáp kênh Tắc; phía nam giáp sông Vàm Cỏ Tây; phía bắc giáp xã Bình Thành) 2.Cụm dân cư Maren: Cặp tuyến lộ 817 (phía đông giáp thửa 34, thửa 58, tờ bản đồ số 13; phía tây giáp sông Vàm Cỏ Tây; phía nam giáp các thửa 118, 119, 348, 347, 125, 109, 357 tờ bản đồ số 5; phía bắc giáp kênh Maren) 3. Cụm dân cư Thuận Nghĩa Hòa: Gần lộ liên xã 500 m (phía đông giáp các thửa 58, 64, 34 tờ bản đồ số 13; phía tây giáp sông Vàm Cỏ Tây; phía nam giáp kênh An Xuyên và các thửa 118, 119, 348, 347, 125, 357, 112, 343, 345, 352, 105, 107 tờ bản đồ số 13; phía bắc giáp các thửa 52, 53, 54, 206, 212 tờ bản đồ số 13) 4. Tuyến dân cư Bình Phước 2: Điểm đầu lộ 817, điểm cuối kênh Lâm Trường (phía đông giáp Kênh N3; phía tây giáp thửa 41 tờ bản đồ số 7; phía nam giáp Hầm Đất, thửa 682, tờ bản đồ số 4; phía bắc giáp kênh 90C). 5. Tuyến dân cư Ông Quới: - Cặp tuyến lộ 30/4 (phía đông giáp các thửa 812, 799 tờ bản đồ số 14; phía tây giáp các thửa 869, 860 tờ bản đồ số 14; phía nam giáp Hầm Đất, thửa 823 tờ bản đồ số 14; phía bắc giáp đường nhựa Kênh 30/4).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		-Cặp tuyến lộ 30/4 (phía đông giáp thửa 705, tờ bản đồ số 14; phía tây giáp các thửa 758, 703 tờ bản đồ số 14; phía nam giáp Hầm Đất, thửa 640 tờ bản đồ số 14; phía bắc giáp đường nhựa Kênh 30/4). 6. Tuyến dân cư Đá Biên: Cặp tuyến lộ 30/4 (phía đông giáp thửa 173 tờ bản đồ số 17; phía tây giáp kênh Bảy Tuề; phía nam giáp Hầm Đất, thửa 673 tờ bản đồ số 17; phía bắc giáp đường nhựa Kênh 30/4) 7. Tuyến dân cư Cả Cỏ: Cặp tuyến lộ 817 (phía đông giáp thửa 143, tờ bản đồ số 9; phía tây giáp các thửa 214, 132 tờ bản đồ số 9; phía nam giáp kênh Sáng đường ĐH 817; phía bắc giáp Hầm Đất thửa 132 tờ bản đồ số 9). 9. Tuyến dân cư Ông Hiếu: Cặp tuyến lộ 817B (phía đông giáp các thửa 343, 865, 280, 347, 344, 868, 438, 528, 531, 530 tờ bản đồ số 9; phía tây giáp đường ĐH 817B; phía nam giáp thửa 870 tờ bản đồ số 9; phía bắc giáp thửa 256, tờ bản đồ số 9)
18	Xã Thạnh Hóa	1. Ấp Bún Bà Của (Ngoại trừ khu vực có các điểm tiếp giáp phía Bắc đường ĐH 836; phía Tây, Nam tiếp giáp đường N2 mở rộng; phía Đông giáp ấp Tuyên Nhơn) 2. Ấp Thủy Đông. 3. Ấp Tuyên Nhơn.
		Các khu, cụm, tuyến dân cư 1. Cụm dân cư Thủy Tây: - Điểm đầu: phía đông giáp thửa đất 26, tờ bản đồ số 60; phía tây giáp thửa đất số 51, tờ bản đồ số 60; phía nam giáp kênh 500; phía bắc giáp đường Quốc lộ N2), điểm cuối: phía đông thửa đất 500, tờ bản đồ số 48; phía tây giáp thửa đất số 545, tờ bản đồ số 48; phía nam giáp kênh 500; phía bắc giáp đường Quốc lộ N2). -Điểm đầu: phía bắc giáp kênh 1500 bắc; phía nam giáp Hầm Nước TH 103-T46; phía đông giáp Kênh Thủy Lợi; phía tây giáp thửa 153, tờ bản đồ số 46. - Điểm cuối: Phía bắc giáp kênh 1500 bắc; phía nam giáp Hầm Nước TH 443-T46; phía đông giáp kênh Thủy Lợi; phía tây giáp T153-T46. - Điểm đầu: Phía bắc giáp thửa 143, tờ bản đồ số 72 cặp Hầm Nước; phía tây giáp thửa 165 đường Bắc Đông cũ; phía đông giáp thửa 220, tờ bản đồ số 72; phía nam giáp lộ Bắc Đông cũ, điểm cuối: phía bắc giáp thửa 146, tờ bản đồ số 72, cặp Hầm Nước; phía tây giáp thửa 165 đường Bắc Đông cũ; phía đông giáp thửa 220 tờ bản đồ số 72; phía nam giáp lộ Bắc Đông cũ tuyến Năm Dề. - Điểm đầu: Phía bắc giáp thửa 181, tờ bản đồ số 73; phía tây giáp Hầm Nước, thửa 200, tờ bản đồ số 73; phía đông giáp kênh Năm Dề; phía nam giáp lộ kênh Bắc Đông cũ. - Điểm cuối: Phía bắc giáp thửa 181, tờ bản đồ số 73; phía tây giáp Hầm Nước, thửa 336, tờ bản đồ số 73; phía đông giáp kênh Năm Dề; phía nam giáp lộ kênh Bắc Đông cũ.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		2. Tuyến dân cư Thạnh An: - Điểm đầu: Phía bắc giáp Kênh 500; phía nam giáp Lộ Bắc Đông cũ; phía đông giáp kênh Tây; phía tây giáp thửa 555 tờ bản đồ số 74 Hầm Nước, điểm cuối: phía bắc giáp Kênh 500; phía nam giáp Lộ Bắc Đông cũ; phía đông giáp kênh Tây; phía tây giáp thửa 691, tờ bản đồ số 74. - Điểm đầu: Phía nam giáp lộ Bắc Đông cũ; phía bắc giáp Hầm Nước, thửa 382, tờ bản đồ số 75; phía đông giáp thửa 360, tờ bản đồ số75; phía tây giáp kênh Thủy Lợi, điểm cuối: phía nam giáp lộ Bắc Đông cũ; phía bắc giáp Hầm Nước, thửa 393, tờ bản đồ số 75; phía đông giáp thửa 360, tờ bản đồ số 75; phía tây giáp kênh Thủy Lợi. Điểm đầu: Phía đông giáp đường liên xã Thạnh An - Thủy Tây (cũ); phía tây giáp thửa đất số 89 tờ bản đồ số 74; phía nam giáp đường liên xã - cặp kênh Bắc Đông (cũ); phía bắc giáp Kênh 500, điểm cuối: phía đông giáp đường liên xã Thạnh An - Thủy Tây (cũ); phía tây giáp thửa đất số 469 tờ bản đồ số 74; phía nam giáp đường liên xã cặp kênh Bắc Đông (cũ); phía bắc giáp Kênh 500.
19	Xã Tân Tây	1. Tuyến dân cư vượt lũ Kênh 24: - Điểm đầu: Phía bắc thửa đất số 300 tờ bản đồ số 17, phía tây giáp đường GTNT Kênh 24, phía đông giáp Hầm Đất thửa đất 60 tờ bản đồ số 17, điểm cuối: phía nam giáp đường GTNT Kênh 3; - Điểm đầu: Phía bắc bờ kênh 3, phía tây giáp đường GTNT Kênh 24, phía đông giáp thửa đất 60 tờ bản đồ số 19, điểm cuối: Phía nam giáp thửa đất 132 tờ bản đồ số 19. 2. Ấp Bến Kè: Cụm dân cư Thủy Đông, phía bắc giáp đường liên xã cặp kênh Sáng, Thuỷ Tân, phía tây giáp các thửa 159, 195, 262, 469 tờ bản đồ số 14; phía nam giáp các thửa 434, 479, 493 tờ bản đồ số 14, phía đông giáp các thửa 243, 386, 1233, 1234, 486, 498 tờ bản đồ số 14. 3. Ấp Cả Ràng: Cụm dân cư Tân Tây, phía bắc QL62, phía tây giáp kênh 21, phía nam giáp Hầm Đất thửa đất 101 tờ bản đồ số 19, phía đông thửa đất số 15 tờ bản đồ số 19, thửa 742 tờ bản đồ số19. 4. Tuyến dân cư vượt lũ Đông Hòa - Tuyến dân cư vượt lũ kênh 3: + Điểm đầu: Phía tây thửa đất số 1228 tờ bản đồ số 19 giáp bờ Kênh 22, phía bắc giáp Hầm Đất thửa 1462 tờ bản đồ số 19, phía nam giáp đường GTNT Kênh 3, điểm cuối: phía đông thửa 1323 giáp đường GTNT Kênh 21; + Điểm đầu: Phía tây thửa 1327 tờ bản đồ số19 giáp bờ kênh 21, phía bắc giáp Hầm Đất thửa 1436 tờ bản đồ số 19, phía nam giáp đường GTNT Kênh 3, điểm cuối: phía đông thửa 1436 giáp kênh 20. - Tuyến dân cư vượt lũ kênh Bắc Đông: + Điểm đầu: Phía đông thửa 850 tờ bản đồ số 21 giáp Kênh 20, phía bắc giáp Hầm Đất thửa 972 tờ bản đồ số 21, phía nam giáp đường GTNT kênh Bắc Đông; điểm cuối: phía tây giáp thửa 962 tờ bản đồ số 21.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		5. Cụm dân Tân Đông: Phía bắc giáp kênh nội đồng, phía nam giáp thửa 5017 tờ bản đồ số 46, phía tây giáp kênh La Khoa, phía đông giáp thửa 5087 tờ bản đồ số 46, thửa 5045 tờ bản đồ số 46.
20	Xã Thủ Thừa	1. Ấp Thủ Khoa Thừa 1 2. Ấp Thủ Khoa Thừa 2 3. Ấp Thủ Khoa Thừa 3 4. Ấp Thủ Khoa Thừa 4 5. Ấp Thủ Khoa Thừa 5 (Ngoại trừ khu vực từ cầu Mương Khai đến kênh T2).
21	Xã Mỹ An	1. Ấp 1
		1. Cụm dân cư vượt lũ Ấp 2: Điểm đầu: kênh Nhị Mỹ, điểm cuối: kênh Sáu Bắc. 2.Tuyến dân cư vượt lũ Ấp 6: Điểm đầu: đường Vành Đai TP. Tân An, điểm cuối Rạch Sắn. 3.Tuyến dân cư vượt lũ Ấp 7: Điểm đầu: Quốc Lộ 62, điểm cuối: đường nội bộ hết khu dân cư. 4.Tuyến dân cư vượt lũ Ấp 8: Điểm đầu: Trại giam Công an tỉnh Tây Ninh, điểm cuối: đường nội bộ hết khu dân cư.
22	Xã Mỹ Thạnh	1. Cụm dân cư Bà Mía: điểm đầu kênh T3 (kênh xáng Bà Mía), điểm cuối: Trường THCS Mỹ Lạc 2. Cụm dân cư Bà Miều: - Điểm đầu kênh Bà Miều, điểm cuối: thửa 799 tờ bản đồ số 7. - Điểm đầu thửa 585 tờ bản đồ số 10, điểm cuối: thửa 79 tờ bản đồ số 10. 3. Cụm dân cư Bình An: Điểm đầu kênh Thủ Thừa, điểm cuối: thửa 657 tờ bản đồ số 48. 4. Tuyến dân cư Mỹ Lạc: Điểm đầu kênh Rạch Đình, điểm cuối: thửa 630, tờ bản đồ số 19. 5. Tuyến dân cư Bo Bo 2; Điểm đầu kênh 8, điểm cuối: Kênh 4.
23	Xã Tân Long	1. Ấp 1: - Tuyến dân cư Cầu Dây 1: Cặp kênh Bà Giải vào sâu 100m. - Tuyến dân cư Cầu Dây 2: Cặp kênh Bà Mía vào sâu 100m. 2. Ấp 2: - Cụm dân cư vượt lũ (xã Long Thành cũ): Cặp lộ UBND xã - QL N2 vào sâu 200m. - Cụm dân cư vượt lũ (xã Tân Lập cũ): Cặp dọc theo đường ĐT 817 (cặp lộ Bobo) vào sâu 300m. - Tuyến dân cư Bo Bo 1: dọc theo đường ĐT 817 vào sâu 100m. 3. Ấp 3: - Tuyến dân cư N2, đoạn 2: Cặp Quốc lộ N2 vào sâu 100m. - Tuyến dân cư N2, đoạn 1, Long Thạnh: Cặp QL N2 vào sâu 100m. 4. Ấp 4: - Cụm dân cư vượt lũ (xã Long Thạnh cũ): dọc theo đường ĐT 817 đến sông Vàm Cỏ Tây. - Tuyến dân cư ấp 4: dọc theo đường ĐT 817 vào sâu 100m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		5. Ấp 5: Tuyến dân cư ấp 5, dọc theo đường ĐT 817 vào sâu 100m. 6. Ấp 6: Cụm dân cư vượt lũ (xã Long Thuận cũ), dọc theo đường ĐT 817 vào sâu 200m.
24	Xã Mỹ Quý	1. Bán kính 300m đối với các khu vực: Chợ Tho Mo, Chợ Sân Bay, Chợ Ông Đường; Trạm Y tế, Nhà văn hóa. 2. Tuyến dân cư Cốc Rinh: Điểm đầu cầu ấp 6 điểm cuối Trạm biên phòng. 4. Tuyến dân cư Tho Mo: Điểm đầu cầu Mỹ Bình điểm cuối giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền. 5. Tuyến dân cư Bà Mùi: Điểm đầu Cầu kênh Tĩnh điểm cuối Nhà Văn hóa ấp Đông Hòa Bắc. 6. Cụm dân cư Mỹ Quý Đông: Điểm đầu giáp ranh bà Võ Thị Lấn điểm cuối Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Mỹ Quý.
25	Xã Đông Thành	1. Ấp Mỹ Phát (ngoại trừ phần diện tích từ đầu Cầu Lò Voi theo đường kênh Rạch Gốc đến đầu kênh Bầu Sấu giáp ranh ấp Mỹ Thạnh Đông). 2. Ấp Vàm Rạch Gốc (ngoại trừ phần diện tích từ đầu Cầu Mỹ Thành đến ranh giáp ấp Mỹ Hưng và một phần diện tích từ đầu đường Thủy lợi nổi đến ranh ấp Mỹ Thạnh Đông). 3. Ấp Mỹ Hưng (ngoại trừ phần diện tích từ đầu đường Lê Văn Rỉ đến đường vào trung tâm Cung ứng sự nghiệp công xã giáp ranh ấp Vàm Rạch Gốc).
		Các khu, cụm, tuyến dân cư 1. Khu dân cư Mỹ Phát: điểm đầu: Thửa đất số 246 tờ bản đồ số 5 điểm cuối thửa đất số 88,70 tờ bản đồ số 5. 2. Khu dân cư Mỹ Lợi: Điểm đầu: Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 2 điểm cuối thửa đất số 83 tờ bản đồ số 2 (xã Mỹ Thạnh Tây cũ). 3. Khu dân cư Ấp Voi: Điểm đầu: Thửa đất số 1366 tờ bản đồ số 8 điểm cuối thửa đất số 1404 tờ bản đồ số 8 (xã Mỹ Thạnh Tây cũ). 4. Khu dân cư Rạch Gốc-Mỹ Bình: Điểm đầu: thửa đất số 1 tờ bản đồ số 11 điểm cuối thửa đất số 78 tờ bản đồ số 11(xã Mỹ Thạnh Tây cũ). 5. Khu dân cư Bầu Sấu-Mỹ Bình: Điểm đầu: thửa đất số 196 tờ bản đồ số 4 điểm cuối thửa đất số 196 tờ bản đồ số 4.
26	Xã Đức Huệ	1. Cụm dân cư vượt lũ Trung Tâm Đức Huệ: Tiếp giáp đường ĐT816, từ tim đường vào rộng 200m về hướng đông, giáp kênh Thanh Hải. 2. Cụm dân cư vượt lũ kênh Thanh Hải: Dọc theo đường cặp kênh Thanh Hải, từ cầu Long Hải đến Cầu 6 Sung, dài 1.100m, rộng 32m 3. Cụm dân cư vượt lũ Khu A: Dọc theo đường ĐT818 dài 230m, từ tim đường vào rộng 90m; cách cầu Trà Cú Thượng 50m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		4. Cụm dân cư vượt lũ Ấp Chánh: Dọc theo đường ĐT 816 dài 160m, từ tim đường vào rộng 210m, gần đường 7 Chuyển. 5. Cụm dân cư vượt lũ Tân Hòa: Dọc theo đường UBND xã Bình Hòa Bắc cũ, dài 240m, từ tim đường vào rộng 100m; cách Chợ Hội Đồng 750m về hướng Đông. 6. Cụm dân cư vượt lũ Bình Thành: - Cụm dân cư vượt lũ Trung Tâm: Dọc theo đường vào UBND xã Bình Thành cũ, điểm đầu: kênh Cây Gáo kéo dài 180m, rộng 310m (trụ sở UBND xã Bình Thành cũ). - Cụm dân cư vượt lũ ngã năm: Dọc theo đường ĐT 818, điểm đầu từ Trường tiểu học Bình Thành phân hiệu Giồng Lớn kéo dài 300m về hướng Bắc 7. Cụm dân cư vượt lũ Giồng Ông Bạn: Phía sau đường ĐT 839, cách đường ĐT 839 khoảng 50m, diện tích 2,5ha (khu vực Chợ Giồng Ông Bạn).
27	Xã Hiệp Hòa	1. Khu dân cư Tân Phú củ: Điểm đầu cách tim đường ĐT 830 10 m, từ điểm đầu vào sâu 800 m 2. Khu dân cư thị trấn Hiệp Hòa củ: Điểm đầu cách tim đường ĐT 825 10 m, từ điểm đầu vào sâu 500m. 3. Khu dân cư Văn Hiệp: Điểm đầu đoạn từ Nhà thờ Văn Hiệp đến điểm cuối nhà máy đường Hiệp Hòa ra bến sông. 4. Khu dân cư liên Ấp 3, Ấp Rạch chanh: Điểm đầu cách tim đường ĐT 825 5m, điểm cuối cách chân cầu Đức Huệ 50m
28	Xã Hậu Nghĩa	1. Ấp Bàu Trai 2. Ấp Khiêm Cương 3. Ấp Gò Cao 4. Ấp Sò Đo
29	Xã Hoà Khánh	1. Dọc các tuyến đường như sau: Quốc lộ N2, đường ĐH 825, Ba Sa – Gò Mối, đường ĐH 823D, đường ĐH 823, đường ĐH 830 vào sâu 200m từ tim đường. 2. Đường Kênh 3, đường Tân Bình, đường Bình Lợi, đường Tua 7, đường Bàu Sen, đường cổng ấp văn hòa Thuận Hòa 2 (điểm đầu: Quốc lộ N2- điểm cuối Kênh 4, QL N2) vào sâu 100m từ tim đường.
30	Xã Đức Hòa	1. Ấp 1. 2. Ấp Bình Thi. 3. Ấp 3. 4. Ấp Bình Hữu. 5. Ấp 5. 6. Ấp Bình Tả 1. 7. Ấp Bình Tả 2. 8. Ấp Bình Tiên 1.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		9. Ấp Bình Tiên 2. 10. Ấp 3A. 11. Ấp 3B. 12. Ấp 4.
31	Xã An Ninh	Các tuyến đường nhựa dọc theo các khu dân cư: - Bên phải tuyến điểm đầu: Ngã ba Hố Quằn đến điểm cuối là ranh xã Hiệp Hòa khoảng 850 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (đường ĐT. 825). - Điểm đầu là ranh xã Hiệp Hòa đến điểm cuối là ngã ba chợ Lộc Giang khoảng 5.160 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (đường ĐT. 825). - Điểm đầu là ngã ba chợ Lộc Giang đến điểm cuối là chợ bến đò Lộc Giang khoảng 3.030 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (đường ĐT. 821). - Điểm đầu là ngã ba chợ Lộc Giang đến điểm cuối là dốc Mộc Bài khoảng 1.330 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (đường ĐT. 825). - Điểm đầu là ngã ba An Ninh Đông đến điểm cuối là Khu dân cư vượt lũ An Ninh Tây khoảng 5.450 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (Đường An Ninh). - Điểm đầu là Cửa hàng VLXD Khánh An đến điểm cuối là cầu Tây Long khoảng 8.290 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (Đường Hồ Chí Minh). - Điểm đầu là ngã ba Trường mẫu giáo An Ninh Tây đến điểm cuối là ngã tư bến đò Lộc Giang khoảng 3.840 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (Đường An Thạnh, An Ninh, Sơn Lợi, Lộc Chánh). - Điểm đầu là ngã tư bến đò Lộc Giang đến điểm cuối là bến cát khoảng 2.187 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (Đường Lộc Chánh – Lộc Hòa). - Điểm đầu là cổng chào Ấp văn hóa Sơn Lợi đến điểm cuối là ĐT. 821 khoảng 4.085 m, tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m (Đường Lộc Giang – An Ninh Tây). - Điểm đầu là ngã ba gần văn phòng Ấp Lộc Chánh đến điểm cuối là cổng Ấp văn hóa Lộc Thạnh khoảng 3.590 m (Đường Lộc Chánh - Lộc Thuận - Lộc Hòa - Lộc Thạnh). 2. Các tuyến đường GTNT có nền đường ≥ 4m (bê tông xi măng) trên địa bàn xã: Tính từ mốc lộ giới vào sâu 50 m.
32	Xã Mỹ Hạnh	1. Tuyến dân cư Đường Đức Hoà Thượng (điểm đầu: từ vòng xoay Gò Mối đến điểm cuối vòng xoay Tua Một), tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m. 2. Tuyến dân cư đường ĐH 825 (điểm đầu: giáp ranh xã Hoà Khánh đến điểm cuối giáp ranh xã Đức Hoà), tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m. 3. Tuyến dân cư đường ĐH 824 (điểm đầu: từ vòng xoay Tua Một đến điểm cuối Ngã ba Mỹ Hạnh), tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		4. Tuyến dân cư đường ĐH 824 (điểm đầu: từ Ngã ba Mỹ Hạnh đến điểm cuối giáp ranh Cụm Công nghiệp Hoàng Gia), tính từ mốc lộ giới vào sâu 100 m. 5. Tuyến dân cư Đường Giồng Lớn (điểm đầu: từ đường ĐH 824 đến điểm cuối ngã ba Giồng Lớn), tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 m. 6. Tuyến dân cư Đường Gò Hưu (điểm đầu: từ đường ĐH 824 đến điểm cuối giáp đường Kênh Tây), tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m. 7. Tuyến dân cư Đường Nguyễn Văn Dương (điểm đầu: từ đường ĐH 824 (nhà ông Sản) đến điểm cuối giáp ranh Cụm CN chỉnh trang Đức Hoà Đông), tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m. 8. Tuyến dân cư Đường Nguyễn Văn Dương (điểm đầu: từ Kênh 1 đến điểm cuối đường ĐH 825), tính từ mốc lộ vào sâu 200 m. 9. Tuyến dân cư đường ĐH 825 (điểm đầu: giáp ranh xã Đức Hoà đến điểm cuối giáp ranh Cụm Công nghiệp chỉnh trang Đức Hoà Đông), tính từ mốc lộ vào sâu 150 m.
33	Xã Đức Lập	1. Các tuyến đường Nguyễn Văn Quá; Quốc Lộ N2; Tuyến đường ĐT 823; Tuyến đường ĐT 823B vào sâu 200m tính từ tim đường 2. Các tuyến đường Kênh BaSa – Gò Mối; Đường Lục Viên; Đường Bàu Sen; Đường Láng Cẩm vào sâu 100m tính từ tim đường
34	Xã Thạnh Lợi	1. Khu dân cư Ấp Mương Trám: Phía tây giáp đường ĐH 816 điểm đầu Đường số 1, điểm cuối: rạch Mương trám (tổng chiều dài 261m); Phía đông giáp Đường công cộng điểm đầu: Đường số 1 đến điểm cuối rạch Mương trám (tổng chiều dài 183.9m); Phía bắc giáp Đường số 1 điểm đầu: từ đường ĐT816 đến Đường công cộng (tổng chiều dài 345.7m); Phía nam giáp rạch Mương trám điểm đầu: đường ĐT816 đến Đường công cộng (tổng chiều dài 279.6m). 2. Khu dân cư Ấp Thạnh Trung: Phía đông giáp đất công điểm đầu Kênh Xáng T6 điểm cuối đất công (tổng chiều dài 114,2 m); Phía tây giáp kênh Bà Kiểng điểm đầu: Xáng T6, điểm cuối đất công của xã (tổng chiều dài 117.6m); Phía bác giáp Kênh Xáng T6 điểm đầu: Đường số 7, điểm cuối Kênh Bà Kiểng (tổng chiều dài 370m); Phía nam giáp đất công của xã (tổng chiều dài 362.9m). 3. Khu dân cư Thạnh Hòa: - Phía đông giáp đường ĐT816 điểm đầu: giáp Đường số 9, điểm cuối giáp rạch Công Si (tổng chiều dài 264.3m); Phía tây giáp Đường số 3 điểm đầu: Đường số 9, điểm cuối rạch Công Si (tổng chiều dài 251m); Phía Bác giáp Đường số 9 điểm đầu: đường ĐT 816, điểm cuối Đường số 3 (tổng dài 230.5m); Phía nam giáp rạch Công Si điểm đấu đường ĐT816, điểm cuối Đường số 3 (tổng dài 279.4m). - Phía đông giáp đường ĐT816 điểm đầu: giáp thửa 80, tờ bản đồ số 90, điểm cuối giáp Đường số 8 (tổng dài 244.9m); Phía tây giáp đất công của xã điểm đầu: giáp thửa 80 tờ bản đồ số 92, điểm cuối giáp Đường số 8 (tổng dài 199.7m); phía bắc giáp thửa 80 tờ bản đồ số 92 điểm đầu: Đường ĐT816, điểm cuối đất công

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		(tổng dài 213.6m); Phía nam giáp Đường số 8 điểm đầu: Đường ĐT816, điểm cuối đất công của xã (tổng dài 214.7m). 5. Khu dân cư Ấp Tân Bình: Phía đông giáp thửa 21, 55, 77 tờ bản đồ số 111 điểm đầu: Sông vàm đỏ đông, điểm cuối thửa 188 tờ bản đồ số 111 (tổng dài 250.8m); Phía tây giáp Kênh Bà Một điểm đầu: Sông Vàm cỏ đông, điểm cuối thửa 188 tờ bản đồ số 111 (tổng dài 274.1m); Phía bắc giáp Sông vàm cỏ điểm đầu: thửa 21 tờ bản đồ 111, điểm cuối Kênh Bà một (tổng dài 254.1m); Phía nam giáp 188 tờ bản đồ số 111 điểm đầu: Kênh Bà Một, điểm cuối thửa 188 tờ bản đồ số 111 (tổng dài 144m). 6. Khu dân cư Ấp Lương Bình: Phía đông giáp thửa 46, 325,33, 337, 165, 53, 3010 tờ 142 điểm đầu: kênh 2, điểm cuối đất công của xã (tổng dài 157.7m); Phía tây giáp đường số 7 điểm đầu: kênh 2, điểm cuối đất công (tổng dài 146.2 m); Phía bắc giáp Kênh 2 điểm đầu: thửa 46 tờ bản đồ số 142, điểm điểm Đường số 7 (tổng dài 332.3m); Phía nam giáp đất công điểm đầu: thửa 3010, 53 tờ bản đồ số 142, điểm cuối Đường số 7 (tổng dài 331.7m).
35	Xã Bình Đức	Khu dân cư ấp 2-Bình Đức: Dọc tuyến đường ĐT 816 từ tim đường vào sâu 250m
36	Xã Lương Hoà	1.Ấp Mỹ Nhơn. 2. Ấp Tân Bữu. 3. Ấp Bình Yên. 4. Ấp Tân Phú. 5. Ấp Xáng Lớn 6. Ấp Lương Hoà Hạ (từ kênh Rạch Nổ đến kênh Xáng Lớn). 7. Ấp Gia Miệng (hướng Đông giáp xã Bến Lức; hướng Tây iáp đường ĐH 830 hướng Nam: giáp kênh Gia Miệng hướng Bắc: giáp kênh Rạch Nổ).
37	Xã Bến Lức	1. Ấp 1. 2. Ấp 2. 3. Ấp 3. 4. Ấp Long Phú. 5. Ấp Thuận Đạo. 6. Ấp Long Kim.
38	Xã Long Cang	1. Ấp Long Thới. 2. Ấp Long Định. 3. Ấp Phước Vân 4. Ấp Tuy Lộc. 5. Ấp An Thuận.
39	Xã Rạch Kiến	Ấp Long Hòa

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
40	Xã Tân Lân	Khu dân cư Ấp Phước Đông: - Có điểm đầu cách Quốc lộ 50 là 110m (tính từ tim đường), từ điểm đầu vào sâu 700m. - Có điểm đầu cách Tuyến tránh Quốc lộ 50 là 175m (tính từ tim đường), từ điểm đầu vào sâu 413m.
41	Xã Cần Đước	1. Ấp 1. 2. Ấp 2. 3. Ấp 3. 4. Ấp 4 (Ngoại trừ khu vực dọc theo hai bên đường Hương lộ 24 vào sâu 200m tính từ tim đường (thuộc địa bàn xã Tân Ân cũ). 5. Ấp 5.
42	Xã Mỹ Lệ	1. Tuyến dân cư Trung Tâm xã Mỹ Lệ (Ngã Tư Tân Trạch): - Điểm đầu từ Ngã Tư Tân Trạch hướng về Bến đò Bến Bạ 400 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (Hương lộ 19). - Điểm đầu từ Ngã Tư Tân Trạch hướng về Cầu Bà Tượng 500 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830). - Điểm đầu từ Ngã Tư Tân Trạch hướng về nút giao đường ĐH 830 cũ và đường ĐH 830 là 600 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830). - Điểm đầu từ Ngã Tư Tân Trạch hướng về Cống rạch Kiến 300 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100m (Hương lộ 19). 2. Tuyến dân cư trung tâm Ngã ba Long Sơn: - Điểm đầu từ Ngã ba Long Sơn hướng về Bến đò Nhật Tảo 300 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (Hương lộ 17). - Điểm đầu từ Ngã ba Long Sơn hướng về Ngã tư Tân Trạch 300 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830 cũ). - Điểm đầu từ Ngã ba Long Sơn hướng về Ngã tư An Thuận 400 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830 cũ). 3. Tuyến dân cư Cống rạch Kiến: điểm đầu: Từ Cống rạch Kiến hướng về Ngã Tư Tân Trạch 300 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 m (Hương lộ 19). 4. Tuyến dân cư ngã tư Chợ Trạm - Điểm đầu từ Ngã tư Chợ Trạm đến điểm cuối giáp ranh xã Tân Lân, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (Quốc Lộ 50) - Điểm đầu từ Ngã tư Chợ Trạm đến điểm cuối giáp ranh xã Mỹ Lộc, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Điểm đầu Ngã tư Chợ Trạm đến điểm cuối giáp ranh xã Phước Vĩnh Tây, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830). 5. Tuyến dân cư Ngã tư Chợ Đào - Điểm đầu từ Ngã tư Chợ Đào đến điểm cuối giáp ranh xã Tân Lân, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 826). - Điểm đầu từ Ngã tư Chợ Đào đến điểm cuối giáp ranh xã rạch Kiến, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 826). - Điểm đầu từ Ngã tư Chợ Đào hướng về Ngã tư Tân Trạch 400 m, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 m (đường ĐH 830). - Điểm đầu từ Ngã tư Chợ Đào hướng về Cầu Chợ Đào, điểm cuối nút giao đường đường ĐH 830 và đường Nguyễn Văn Tiến, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 m (đường ĐH 830). 6. Tuyến dân cư đường Nguyễn Văn Tiến: Điểm đầu giáp đường ĐH 826, điểm cuối là nút giao với đường ĐH 830, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 m.
43	Xã Long Hựu	1. Khu dân cư Chợ Kinh Nước Mặn: Điểm đầu: Từ đầu đường ĐT 826B, điểm cuối đến kè chợ kinh nước mặn. 2. Khu dân cư Chợ Long Hựu Tây: Từ đầu đường lộ 82 điểm cuối đến đường vào Trường Mẫu giáo Long Hựu Tây.
44	Xã Cần Giuộc	1. Ấp 1 2. Ấp 2 3. Ấp 3 4. Ấp 4 5. Ấp Hòa Thuận. 6. Ấp Trị Yên. 7. Ấp Long Đức Đông. 8. Ấp Long Hậu. 9. Ấp Bình Đức. 10. Ấp Kim Điền. 11. Ấp Kim Định.
45	Xã Mỹ Lộc	1. Đối với các Khu dân cư dọc theo tuyến đường vô sâu 300 m, tính từ mốc lộ giới: - Khu dân cư dọc theo Quốc lộ 50 vào sâu 300 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh ngã tư Chợ trạm, điểm cuối giáp ranh xã Cần Giuộc. - Khu dân cư dọc theo đường ĐT 835 vào sâu 300 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh xã Cần Giuộc, điểm cuối giáp ranh xã Rạch Kiến.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Khu dân cư dọc theo đường ĐT 835B vào sâu 300 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh xã Phước Lý. - Khu dân cư dọc theo đường ĐT 826 vào sâu 300 m, tính từ mốc lộ giới: Dài 300m và kết thúc giáp ranh trụ sở UBND xã Rạch Kiến. - Khu dân cư dọc theo đường ĐT 830 vào sâu 300 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh ngã tư Chợ trạm, điểm cuối giáp ranh xã Mỹ Lệ. 2. Đối với các Khu dân cư dọc theo tuyến đường vào sâu 200 m, tính từ mốc lộ giới: - Khu dân cư dọc theo đường ĐH 19 vào sâu 200 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh xã rạch Kiến. - Khu dân cư dọc theo đường ĐH 20 vào sâu 200 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh xã Mỹ Lộc điểm cuối giáp ranh đường ĐH 19. 3. Đối với các Khu dân cư dọc theo tuyến đường vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: - Khu dân cư dọc theo đường ĐH Phước Lâm-Long Thượng vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh xã Phước Hậu, điểm cuối giáp đường ĐH 20. - Khu dân cư dọc theo đường ĐH Trường Bình – Phước Lâm vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh Quốc lộ 50, điểm cuối giáp đường ĐH 20. - Khu dân cư dọc theo đường Phạm Văn Trực vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh Quốc lộ 50, điểm cuối giáp đường đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Lương Văn Bào vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh Quốc lộ 50, điểm cuối giáp đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Mỹ Lộc - Phước Hậu vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh xã Cần Giuộc, điểm cuối giáp ranh xã Phước Lý. - Khu dân cư dọc theo đường Trần Văn Thôi vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Lương Văn Tiên vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh xã Cần Giuộc, điểm cuối giáp ranh đường ĐH 20. - Khu dân cư dọc theo đường Ấp văn hóa Thanh Ba vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Ngô Thị Xứng. - Khu dân cư dọc theo đường Ngô Thị Xứng vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Dương Thị Hai vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Khu dân cư dọc theo đường Cộng đồng Lộc Hậu vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường Cộng đồng Lộc Trung vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường Bờ Miễu vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh giáp Mè vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường Đoàn Văn Diệu vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường chùa Tôn Thạnh vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường Lê Thị Phu vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường Mỹ Lộc-Phước Hậu, điểm cuối giáp ranh xã Quy Đước-TP.HCM. - Khu dân cư dọc theo đường Ấp Văn Hóa Lộc Tiền vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh xã Phước Lý. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Thị Bảy vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường Cộng đồng Lôc Hậu, điểm cuối giáp ranh đường Đoàn Văn Diệu. - Khu dân cư dọc theo đường Thuận Thành -Long An vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường Quốc lộ 50, điểm cuối giáp ranh đường ĐH 20. - Khu dân cư dọc theo đường Dương Thị Ngọc Hoa vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh đường khu dân cư ấp Thuận Nam. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Thị Năm vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh xã Tân Thạnh-Cần Đước. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Minh Hoàng vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh đường Thuận Thành – Long An. - Khu dân cư dọc theo đường Võ Phát Thành vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh Kênh Đại Hội. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Đại Hội vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường quốc lộ 50, điểm cuối giáp ranh xã rạch Kiến. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Văn Cung vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh đường Kênh Đại Hội.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Khu dân cư dọc theo đường Năm Học vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường quốc lộ 50, điểm cuối giáp ranh Khu dân cư. - Khu dân cư dọc theo đường 25/4 vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh đường Thuận Thành – Long An. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Văn Hữu Hớn vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh đường Thuận Thành – Long An. - Khu dân cư dọc theo đường Mai Văn É vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 830, điểm cuối giáp ranh đường Kênh Xáng. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Hai Thảo vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường Kênh Xáng, điểm cuối giáp ranh đường Kênh Đại Hội. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Tư Tứ vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường Kênh Xáng, điểm cuối giáp ranh đường Kênh Đại Hội. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Sáu Mét vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp ranh xã Phước Lý. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Thị Sáng vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp ranh đường Kênh Xáng A. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Xáng A vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: Điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp ranh cầu Thầy Cai. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Xáng B vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp ranh cầu Thầy Cai. - Khu dân cư dọc theo đường Lê Thị Lục vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp ranh ngã Ba Đình - rạch Nông Gà. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Thị Kiều vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp Ranh xã Trường Bình. - Khu dân cư dọc theo đường Y Tế B vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp đường Huỳnh Thị Luông. - Khu dân cư dọc theo đường Ca Thị Thạch vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp ranh xã Trường Bình. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Văn Chép vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp đường ĐH 20. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Thị Cang (Đường Ba Tân cũ) vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐT 835, điểm cuối giáp Ranh xã Thuận Thành.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Khu dân cư dọc theo đường Phạm Thị Cầm vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐT 835, điểm cuối giáp nhà dân. - Khu dân cư dọc theo đường Trang Văn Học vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐT 835, điểm cuối giáp Kênh Xáng B. - Khu dân cư dọc theo đường Trần Thị Dung (Đường Hai Trọng cũ) vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐT 835, điểm cuối giáp Kênh Xáng. - Khu dân cư dọc theo Đường Đoàn Thị Khéo (Đường Năm Để cũ) vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐT 835, điểm cuối giáp Ranh Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo Đường Võ Thị Tốt vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐT 835, điểm cuối giáp Ranh xã Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Xáng B vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh Đường Kênh Chín Trì, điểm cuối giáp ranh xã Thuận Thành. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Cấp 3 vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh Đường Kênh Xáng A, điểm cuối giáp đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Nguyễn Đực Hùng (Đường Mười Bảnh cũ) vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 20, điểm cuối giáp Đường Kênh Xáng A. - Khu dân cư dọc theo đường Huỳnh Thị Luông vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp Đường ĐH 20. - Khu dân cư dọc theo đường Hai Đồng vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường Cộng đồng Lộc Trung, điểm cuối giáp Ranh xã Phước Hậu. - Khu dân cư dọc theo đường Cầu Hai Sang vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường Mỹ Lộc – Phước Hậu, điểm cuối giáp Đường Cộng Đồng Lộc Trung. - Khu dân cư dọc theo đường Đê bao sông Mồng Gà vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh Quốc lộ 50, điểm cuối giáp đường Lương Văn Tiên. - Khu dân cư dọc theo đường Tập đoàn 8 ấp Kế Mỹ vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh Đường Trường Bình - Phước Lâm, điểm cuối giáp đường Đê bao sông Mồng Gà. - Khu dân cư dọc theo đường Tập đoàn 3 ấp Kế Mỹ vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường Trường Bình - Phước Lâm, điểm cuối giáp Đường Đê bao sông Mồng Gà. - Khu dân cư dọc theo đường Kênh Chính Trì vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh đường ĐH 835, điểm cuối giáp Đường Kênh Xáng B. - Khu dân cư dọc theo đường Đình Chánh Thôn vào sâu 100 m, tính từ mốc lộ giới: điểm đầu: giáp ranh Quốc lộ 50, điểm cuối giáp Kênh Cây Mắm (đất ruộng).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
46	Xã Tân Tập	1. Ấp Tân Quí: Khu dân cư hiện hữu dọc các tuyến đường Đông Thạnh - Tân Tập, đường Kênh sườn, đường Tân Quí (tính từ lộ giới vào sâu 150m), trường tiểu học Tân Tập (điểm 2). 2. Ấp Nam: Khu dân cư hiện hữu dọc các tuyến đường ĐH 826 C, Huỳnh Văn Năm, đường Xóm Lá, đường Gò Me, đường Tư nữa - Sáu bé (tính từ lộ giới vào sâu 150m), trường Tiểu học Đông Thạnh, trường Mẫu Giáo Đông Thạnh (điểm chính). 3. Ấp Trung: Khu dân cư hiện hữu dọc các tuyến đường ĐH 830, đường Huỳnh Văn Nam, đường ấp Trung, Phạm Thị Chi (tính từ lộ giới vào sâu 150m). 4. Ấp Tây: Khu dân cư hiện hữu dọc các tuyến đường ĐH 826 C, đường ĐH 830, đường đê ấp Tây, đường Tây Bắc (tính từ lộ giới vào sâu 150m), trường Tiểu học Rạch Núi, trường Mẫu Giáo Đông Thạnh (điểm phụ), trường THCS Đông Thạnh, Trụ sở Đảng ủy xã. 5. Tân Quang 1: Khu dân cư hiện hữu dọc các tuyến đường ĐH 826 C, đường Đông Thạnh - Tân Tập, Tân Quang A, Tân Quang B (tính từ lộ giới vào sâu 150m). 6. Tân Quang 2: Khu dân cư hiện hữu dọc các tuyến đường ĐH 826 C, đường Đông Thạnh - Tân Tập, Tân Quang A, Lê Văn Vui, Hai Hồng - Hai Cỏi, Tư Hưng, Phan Quốc Việt, Nguyễn Văn Hào, Út Gân (tính từ lộ giới vào sâu 150m), trường Tiểu học Đông Thạnh (điểm phụ). 7. Ấp Thạnh Trung: Khu dân cư hiện hữu dọc tuyến đường Phạm Văn Tài, đường Vĩnh Tân (tính từ lộ giới vào sâu 150m). 8. Ấp Đông An: Khu dân cư hiện hữu dọc tuyến đường Phạm Văn Tài (tính từ lộ giới vào sâu 150m). 9. Ấp Tân Thành: Khu dân cư hiện hữu dọc tuyến đường ĐH 830, đường Tân Thành - Tân Chánh - Tân Đại (tính từ lộ giới vào sâu 150m). 10. Ấp Tân Chánh: Khu dân cư hiện hữu dọc tuyến đường ĐH 830, đường Ban Kiệt (tính từ lộ giới vào sâu 150m). 11. Ấp Tân Đông: Khu dân cư hiện hữu tuyến đường 830, đường Tân Đông - Tân Hòa (tính từ lộ giới vào sâu 150m).
47	Xã Phước Vĩnh Tây	1. Khu dân cư dọc theo Quốc lộ 50: Điểm đầu thửa 88, tờ bản đồ số 03 (xã Long An cũ); điểm kết thúc Trung Tâm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mồ côi xã Mỹ Lộc), vào sâu 150m từ tim đường (bên phải tuyến). 2. Khu dân cư dọc theo đường ĐH 830: Điểm đầu từ ngã tư Đông Thạnh; điểm kết thúc ngã tư chợ Trạm thuộc phạm vi xã Phước Vĩnh Tây, vào sâu 150m từ tim đường (2 bên). 3. Khu dân cư dọc theo đường ĐH 826C: Điểm đầu từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 07 (xã Phước Vĩnh Tây cũ); điểm kết thúc thửa đất số 267, tờ bản đồ số 07 (xã Phước Vĩnh Tây cũ), vào sâu 150m từ tim đường (2 bên).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		4. Khu dân cư dọc tuyến đường Tân Phước: Điểm đầu từ thửa đất số 1140, tờ bản đồ số 07 (xã Phước Vĩnh Tây cũ); điểm kết thúc thửa đất số 2820, tờ bản đồ số 07 (xã Phước Vĩnh Tây cũ), tính từ tim đường vào sâu 50m (phía bên trái tuyến). 5. Khu dân cư dọc tuyến đường ấp 1: - Điểm đầu đường ĐT826C; điểm kết thúc ranh dự án Khu đô thị mới Phước Vĩnh Tây, tính từ tim đường vào sâu 50m (phía bên trái tuyến). - Điểm đầu giáp đường ĐT 826C; điểm kết thúc ranh dự án Khu đô thị mới Phước Vĩnh Tây, tính từ tim đường vào sâu đến hết ranh xã Phước Vĩnh Tây (phía bên phải tuyến). 6. Khu dân cư dọc tuyến đường Chợ rạch Núi: Điểm đầu giáp đường ĐH 826C, điểm cuối giáp đường Tân Phước, tính từ tim đường vào sâu 50m. 7. Khu dân cư dọc tuyến đường ĐH Đông Thạnh - Tân Tập - (điểm đầu: giao ĐT830, điểm kết thúc ngã 3 ngay UBND xã), tính từ tim đường vào sâu 50m (2 bên). - Điểm đầu ngã 3 UBND xã; điểm kết thúc ngã 3 đường Kiến Vàng, tính từ tim đường vào sâu 50m (bên phải tuyến). 8. Khu dân cư dọc tuyến đường Trần Văn Nghĩa: Điểm đầu Thánh thất Cao Đài Vĩnh Nguyên đến điểm kết thúc Ngã 3 đường Chùa Long Quang, tính từ tim đường vào sâu 100m (2 bên). 9. Khu dân cư dọc tuyến đường Nguyễn Thị Bài: Từ ngã 3 đường Ông Bảy Đa đến đường đê Trường Long, vào sâu 50m đầu từ tim đường (2 bên). 10. Khu dân cư dọc tuyến đường Ông Bảy Đa: Điểm đầu từ đường Trần Văn Nghĩa; điểm kết thúc thửa 62, tờ bản đồ số 03 (xã Long An cũ), tính từ tim đường vào sâu 100m (phía bên trái tuyến). 11. Khu dân cư dọc tuyến đường đê ấp 3: Từ Cổng chào đường đê ấp 3 đến thửa đất số 462, tờ bản đồ số01 (xã Long An cũ), tính từ tim đường vào sâu 50m (bên trái tuyến). 12. Khu dân cư (khu vực Bến phà Thủ Bộ thuộc xã Long An cũ): Từ Đường Đê Trường Long đến giáp Sông Cần Giuộc. 13. Khu dân cư dọc tuyến đường đê Trường Long: Điểm đầu giáp đường ĐH 830; điểm kết thúc ranh xã Tân Lân, tính từ tim đường vào sâu 50m (2 bên). 14. Khu dân cư dọc tuyến đường Bà Hùng: Điểm đầu giáp đường đê Trường Long; điểm cuối Chùa Thạnh An, tính từ tim đường vào sâu 50m (2 bên).
48	Xã Phước Lý	1. Khu dân cư dọc đường ĐH 835B (điểm đầu từ Ranh xã Mỹ Lộc điểm cuối Ranh xã Mỹ Yên) thuộc phạm vi xã Phước Lý, vào sâu 200m từ mép đường. 2. Khu dân cư dọc đường ĐH.826 (điểm đầu từ Cầu Tràm điểm cuối Ranh xã Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh) thuộc phạm vi xã Phước Lý, vào sâu 200m từ mép đường.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		3. Khu dân cư dọc đường cao tốc Bến Lức – Long Thành (điểm đầu giáp ranh xã Hưng Long điểm cuối ranh xã Bình Chánh) thuộc phạm vi xã Phước Lý, vào sâu 200m từ ranh GPMB đường cao tốc. 4. Dọc các tuyến đường trục xã, ấp vào sâu 150m từ mép đường. 5. Dọc các tuyến đường ngõ xóm, vào sâu 150m từ mép đường.
49	Xã Vàm Cỏ	1. Khu vực ngã tư Tân Phước Tây: Bán kính 300m tính từ ngã tư Tân Phước Tây cũ 2. Ngã ba giáp đường ĐT 832 và Hương lộ Miễu Ông Bàn Quỳ: Bán kính 300m tính từ ngã ba giáp đường ĐT 832 và Hương lộ Miễu Ông Bàn Quỳ 3. Ngã ba Nhựt Ninh và Khu vực Cầu Triêm Đức: Bán kính 300m tính từ ngã ba Nhựt Ninh cũ và Khu vực Cầu Triêm Đức. 4. Ngã ba giáp đường ĐT 833 và đường Huỳnh Văn Đảnh: Bán kính 300m tính từ ngã ba giáp đường ĐT 833 và đường Huỳnh Văn Đảnh. 5. Khu vực xung quanh trường tiểu học Nhựt Ninh: Bán kính 300m tính từ trường.
50	Xã Tân Trụ	1. Ấp Bình Hòa. 2. Ấp Bình Lợi.
51	Xã Nhựt Tảo	1. Ấp Lạc Tấn: Trong phạm vi bán kính 1 km tính từ ngã tư Lạc Tấn. 2. Ấp Bình Nghị: Các hộ dân cư dọc tuyến đường Quốc lộ 1A từ cầu Voi đến cầu Ván cách 50 m tính từ mốc lộ giới
52	Xã Thuận Mỹ	1. Ấp Thanh Tân-Khu dân cư Thanh Phú Long: Tuyến dân cư ĐT 827: Điểm đầu từ đoạn đường đầu từ Cầu Phú Lộc và điểm đến cuối đường nhánh Lộ Ông Cai, cách lộ giới 100m. Tuyến dân cư ĐT 827B: Điểm đầu từ Cống Chợ Giữa và điểm đến cuối cùng đến đường nhánh Lộ Thị Đỏ, cách lộ giới 100m. 2. Ấp Bình Trị 1-Khu vực chợ Thuận Mỹ: Tuyến dân cư ĐT 827: Điểm đầu từ đoạn đường Cổng Bình Thạnh 3 (cũ) (nay là ấp Bình An) và điểm cuối đến đầu đường nhánh Lộ Ao Sen Bà Hùng, cách lộ giới 100m. Đường Trung tâm từ ĐT 827: Điểm đầu từ Trung tâm ĐT 827 đến điểm cuối đường nhánh An Khương thới, cách lộ giới 100m.
53	Xã An Lục Long	1. Ấp Lộ Đá: - Bán kính 300 m, từ khu vực hành chính xã An Lục Long cũ, nay là khu vực trụ sở Đảng uỷ xã An Lục Long. - Bán kính 300 m từ khu vực trường Mẫu giáo An Lục Long - Tiểu học An Lục Long (Điểm A). 2. Ấp Cầu Hàng: Bán kính 300 m từ khu vực trường Tiểu học An Lục Long (Điểm B).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		3. Ấp Hồi Xuân: Bán kính 300 m từ khu vực Khu nhà tưởng niệm Giáo sư Trần Văn Giàu. Bán kính 300 m từ khu vực hành chính xã Dương Xuân Hội cũ, nay là khu vực trụ sở Công an xã An Lục Long. 4. Ấp Cầu Ván: Bán kính 300 m từ Đền thờ liệt sĩ Tiểu đoàn 263 - Quân khu 8. 5. Ấp Vĩnh Xuân: Bán kính 300 m từ khu vực trường Mẫu giáo Dương Xuân Hội - Tiểu học Dương Xuân Hội. 6. Ấp Long Thành: Bán kính 300 m từ khu vực hành chính xã Long Trì cũ, nay là khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Lục Long. 7. Ấp Long Thuận: Bán kính 300 m từ khu vực Chợ Cầu Đồn. 8. Ấp Long An: Bán kính 300 m từ khu vực trường Mẫu giáo Long Trì.
54	Xã Tầm Vu	1. Ấp Trường Xuân. 2. Ấp Tân Xuân. 3. Ấp Gia Thạnh (Khu vực có vị trí phía Đông giáp ấp Hiệp Thạnh, rạch Bà lý. Phía Tây giáp đường vào Cầu Miễu, cầu ông Cưỡng (trường THCS Nguyễn Thông); giáp tờ bản đồ số 74; 77; 78. Phía Nam giáp rạch Bà Lý. Phía Bắc giáp giáp Đỗ Tường Phong) 4. Ấp Hiệp Thạnh (Khu vực có vị trí phía Đông giáp rạch Tầm Vu. Phía Tây giáp giáp tờ bản đố số 74. Phía Nam giáp đường Đỗ Tường Phong. Phía Bắc giáp đường Vành Đai; giáp ranh tờ bản đồ số 74; 75) 5. Ấp Bình Lục (Khu vực có vị trí phía Đông giáp tờ bản đồ số 112; 115. Phía Tây giáp đường Vành Đai. Phía Nam giáp đường Thâm Nhiên. Phía Bắc giáp tờ bản đố số 28; 112).
55	Xã Vĩnh Công	1. Tuyến dân cư đường ĐT827: - Điểm đầu từ đoạn đầu đường An Thạnh và điểm cuối đến đầu đường Phạm Văn Điền. - Điểm đầu từ đoạn cầu Vĩnh Công và điểm cuối đến Trường Trung học cơ sở Vĩnh Công. 2. Tuyến dân cư đường ĐT827B: Điểm đầu từ Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Thăng và điểm cuối đến ranh xã Tầm Vu. 3. Tuyến dân cư Đường Lộ Dừa: - Điểm đầu từ đường ĐT 827 và điểm cuối đến Trạm Y tế xã Vĩnh Công. - Điểm đầu từ đường ĐT 827B và điểm cuối đến cầu Nhất Võng. 4. Tuyến dân cư khu vực đường vòng Bình Quới: Điểm đầu từ ngã tư Kỳ Son và điểm cuối đến ngã ba lộ mới.
56	Xã Phước Chỉ	1. Khu dân cư Bình Hòa: Tất cả các tuyến đường trên địa bàn ấp, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. 2. Khu dân cư Bình Thuận: Tất cả các tuyến đường trên địa bàn ấp, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		3. Khu dân cư ấp Phước Thành, đường An Thạnh - Phước Chỉ, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 mét. 4. Khu dân cư Phước Đông - Phước Dân - Phước Thuận, đường Hương lộ 8, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. 5. Khu dân cư Phước Dân - Phước Thuận - Phước Hưng, đường ĐT.786: Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét.
57	Xã Hưng Thuận	1. Khu vực ngã Ba Ấp Đôn Thuận cách trung tâm hành chính UBND xã 2 km; 2. Hương lộ 12: Từ điểm ngã ba Ấp Đôn Thuận cách 2km, từ 2km trở đi, 300m vào sâu khu dân cư. 3. Khu vực gần khu Công Nghiệp Phước Đông: Có bán kính 500m 4. Khu vực dọc theo cặp Sông, Kênh vào sâu 300m 5. Khu vực trạm điện ấp Thuận Lợi bán kính 500m 6. Đường Hồ Chí Minh: Từ điểm mặt đường đến điểm xây dựng 300m (vào sâu xa dân cư 300m) 7. Tất cả các tuyến đường xã, ấp tính từ lộ giới vô sâu 300m (ngoài khu dân cư 300m)
58	Xã Thạnh Đức	1. Ấp Cẩm Thắng: Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. 2. Ấp Bông Trang, Trà Võ, Bến Đình, Bến Mương: Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. 3. Ấp Bến Đình: Khu vực chợ Thạnh Đức: - Hướng Đông giáp đường số 28 - Hướng Tây giáp đường số 24 - Hướng Nam giáp đường trục ngang, từ đường số 24 đến đường số 28 - Hướng Bắc giáp QL22B 4. Ấp Bến Mương: Khu vực Trường tiểu học và Trường THCS Thạnh Đức - Hướng Đông giáp đường số 13 - Hướng Tây giáp đường số 11 (Đường Trà Võ – Đất Sét) - Hướng Nam giáp QL22B - Hướng Bắc giáp đất Công ty cao su Tây Ninh
59	Xã Phước Thạnh	1. Khu dân cư Đá Hàng: Ven đường nhựa Hiệp Thạnh 23, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét và ven theo đường nhựa tỉnh lộ Tầm Lanh - Truông Mít, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 mét. 2. Khu dân cư Cây Nính, đường QL.22B: Đường Cao Sơn tự, bên phải hướng từ QL.22B vào tính từ mốc lộ giới vào sâu 200 mét. 3. Khu dân cư Phước Hội: - Đường Phước Thạnh - Bàu Đồn: Đường Phước Thạnh - Bàu Đồn, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 mét.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Đường Phước Thạnh - Bàu Đồn: Đường Phước Thạnh - Bàu Đồn, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 70 mét.
60	Xã Truông Mít	1. Khu dân cư dọc đường ĐT 784 thuộc địa bàn các ấp Thuận Hòa, Thuận Bình, Thuận An, Thuận Tân vào sâu 50 m tính từ mốc lộ giới mỗi bên. 2. Khu dân cư dọc đường ĐT 782 thuộc địa bàn các ấp 2, 4, 5, 6, 7 vào sâu 50 m tính từ mốc lộ giới mỗi bên.
61	Xã Lộc Ninh	Khu dân cư Đường ĐT.782B: Tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100m và điểm đầu: từ ngã ba Trạm y tế xã Lộc Ninh và điểm cuối là ngã ba Hai Dần.
62	Xã Cầu Khởi	1. Khu dân cư Khởi Hà - Khởi Trung - Khởi An: đường ĐT 784 (ấp: Khởi Hà, Khởi Trung, Khởi An) - Tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 70m. - Điểm đầu: Cầu kênh tiêu Bến Đình. - Điểm cuối: Giáp ranh xã Truông Mít. 2. Khu dân cư Phước Tân, Bàu Dài - Đường ĐH 412: Tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 70m. + Điểm đầu: Ngã 3 đường ĐH 412 – đường ĐT 784B (trường Mầm non Phước Ninh). + Điểm cuối: Kênh TNO-2A vị trí K3+630. - Đường ĐT 784B: Tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 70m. + Điểm đầu: Ngã 3 đường ĐT 784B – đường ĐH 413 (cây xăng Quốc Bảo). + Điểm cuối: Ngã 3 đường ĐT 784B – đường số 1 ấp Phước Tân.
63	Xã Dương Minh Châu	1. Khu dân cư: một phần ấp Suối Đá (ấp 1 cũ), một phần ấp Phước Hội (ấp 2 cũ), ấp Bờ Hồ (ấp 3, ấp 4 cũ) - Đường Nguyễn Chí Thanh (tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 150 mét). + Điểm đầu: Từ ngã tư Nguyễn Chí Thanh - Trịnh Đình Thảo - Đường số 16 (GPS: 11.380500, 106.223526). + Điểm cuối: Đến ngã 3 Bờ Hồ (GPS: 11.394859,106.242426). - Đường Cù Chính Lan (tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 150 mét). + Điểm đầu: Từ quán Phong Sò (GPS: 11.379931,106.224154). + Điểm cuối: Đến trụ sở Quỹ tín dụng (giáp chợ Dương Minh Châu) (GPS: 11.382969,106.229103) - Đường Dương Minh Châu (tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 150 mét). + Điểm đầu: Từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh (GPS: 11.383691,106.228807). + Điểm cuối: Đến giáp đường Lê Thị Riêng (cập sân vận động xã) (GPS: 11.379459,106.231057). - Đường Nguyễn Bình (tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 150 mét). + Điểm đầu: Từ đoạn giáp đường Châu Văn Liêm (GPS: 11.385087,106.225790).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		+ Điểm cuối: Đến giáp đường Lê Thị Riêng (cập sân vận động xã) (GPS: 11.378519,106.229560). - Đường Trịnh Đình Thảo (tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 150 mét). + Điểm đầu: từ đường Nguyễn Chí Thanh (GPS: 11.380423,106.223575). + Điểm cuối: Đến giáp đường số 27 (GPS: 11.376137,106.228161). 2. Khu dân cư: ấp Tân Định (ấp Tân Định 1 cũ), một phần ấp Suối Đá (ấp Tân Định 2 cũ), Phước Hội, Phước Hoà - đường ĐT.781 (tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét). - Điểm đầu: Từ ngã tư Nguyễn Chí Thanh - Trịnh Đình Thảo - Đường số 16 (GPS: 11.380500, 106.223526). - Điểm cuối: Đến Công ty TNHH Cơ điện lạnh Phúc Long (GPS: 11.360770, 106.209550).
64	Xã Tân Châu	1. Khu dân cư Ấp Tân Thạnh - Phía đông đường Tôn Đức Thắng (điểm đầu: từ lộ giới đường Tôn Đức Thắng đến lộ giới đường Bùi Thị Xuân); - Phía tây đường Tôn Đức Thắng (điểm đầu: từ lộ giới đường Tôn Đức Thắng đến lộ giới đường Nguyễn Đình Chiểu) - Phía nam đường Nguyễn Thị Định (điểm đầu: từ lộ giới đường Nguyễn Thị Định, điểm cuối đến Hẻm số 1, đường Nguyễn Đình Chiểu). - Phía nam đường Lê Duẩn (điểm đầu: từ lộ giới đường Lê Duẩn, điểm cuối đến lộ giới đường 30/4) - Phía bắc đường Lê Duẩn (điểm đầu lộ giới đường Lê Duẩn, điểm cuối lộ giới đường Nguyễn Văn Trỗi) - Phía nam đường Lê Duẩn (điểm đầu: lộ giới đường Lê Duẩn, điểm cuối lộ giới đường 30/4) 2. Khu dân cư Ấp Thạnh Đông, - Phía bắc đường Nguyễn Thị Định (điểm đầu: từ lộ giới đường Nguyễn Thị Định, điểm cuối đến lộ giới đường Quảng Trường; - Phía đông đường Trần Văn Trà (điểm đầu lộ giới đường Trần Văn Trà, điểm cuối lộ giới đường Hải Thượng Lãn Ông). - Phía tây đường Trần Văn Trà (điểm đầu lộ giới đường Trần Văn Trà, điểm cuối lộ giới đường D2). - Phía bắc đường Lê Duẩn (điểm đầu lộ giới đường Lê Duẩn, điểm cuối lộ giới đường Nguyễn Văn Trỗi). 3. Khu dân cư Ấp Tha La, - Phía bắc đường Lê Duẩn (điểm đầu lộ giới đường Lê Duẩn, điểm cuối lộ giới đường Nguyễn Văn Trỗi) - Phía nam đường Lê Duẩn (điểm đầu: lộ giới đường Lê Duẩn, điểm cuối lộ giới đường 30/4) 4. Khu dân cư ấp Thạnh Quới: - Phía bắc đường ĐT 795: Điểm đầu từ giao lộ đường nhựa đường ĐT 795 và đường TQ.14 (theo hướng từ tuyến đường TQ.14 đến TQ.18) đến điểm cuối giao lộ giữa đường đường ĐT 795 và đường THD.47 (theo hướng tuyến từ TQ.18 đến đến đường THD.47).

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Phía nam đường đường ĐT 795: Điểm đầu từ giao lộ đường nhựa đường ĐT 795 và đường THD.45 và theo hướng tuyến giữa đường THD.16 và đường THD.44 đến điểm cuối giao lộ giữa đường THD.44 và đường đường ĐT 795.
65	Xã Tân Phú	Khu dân cư chợ Tân Hưng, xã Tân Phú, cụ thể: - Phạm vi được giới hạn trên sơ đồ với 12 điểm, diện tích 1,726ha/119 hộ, có vị trí như sau: - Từ điểm 1 đến điểm 2: Trùng ranh cạnh hướng Tây của thửa đất số 269 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 2 đến điểm 3: Trùng đoạn mương hướng Bắc chợ Tân Hưng, từ hướng Bắc thửa đất số đất 269 tờ bản đồ số 66 đến hướng Bắc thửa đất số 227 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 3 đến điểm 4: Trùng đoạn mương hướng Bắc chợ TânHưng từ hướng Bắc thửa đất số đất 227 tờ bản đồ số 66 đến hướng Bắc thửa đất số 188 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 4 đến điểm 5: Từ hướng Bắc thửa đất số đất 188 tờ bản đồ số 66 đến hướng Tây thửa đất số 162 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 5 đến điểm 6: Trùng ranh cạnh hướng Bắc thửa đất số 162 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 6 đến điểm 7: Trùng ranh hướng Tây sân vận độngTân Hưng, từ hướng Đông thửa đất số đất 162 tờ bản đồ số 66 đến hướng Đông thửa đất số 307 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 7 đến điểm 8: Trùng cạnh hướng Nam thửa đất số 307 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 8 đến điểm 9: Từ hướng Tây thửa đất số đất 307 tờ bản đồ số 66 đến hướng Đông thửa đất số 254 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 9 đến điểm 10: Trùng đường mương phía nam chợ Tân Hưng, từ hướng Nam thửa đất số 254 tờ bản đồ số 66 đến hướng Nam thửa đất số 314 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 10 đến điểm 11: Từ hướng Tây thửa đất số đất 314 tờ bản đồ số 66 đến hướng Tây thửa đất số 273 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 11 đến điểm 12: Từ hướng Bắc thửa đất số đất 273 tờ bản đồ số 66 đến hướng Nam thửa đất số 222 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 12 đến điểm 1: Từ hướng Nam thửa đất số đất 222 tờ bản đồ số 66 đến hướng Nam thửa đất số 269 tờ bản đồ số 66.
66	Xã Tân Hội	1. Vị trí cụ thể trong Khu dân cư các ấp Hội Tân, An Phú, Hội Thạnh, Tân Hiệp đường ĐT 785 tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 mét. điểm đầu từ xã Tân Châu điểm cuối đến xã Tân Đông. 2. Vị trí cụ thể Khu dân cư các ấp Tân Bình đường ĐH 801 (Tân Hiệp – Sóc Miên) tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 35 mét. điểm đầu từ E359 Ngã tư Tân Hiệp điểm cuối đến đường THI.26.
67	Xã Tân Lập	1. Khu dân cư quy hoạch ấp Tân Hòa – khu trung tâm xã (Nằm trên trục quốc lộ 22B, cận phía nam xã, diện tích 66,43 ha). 2. Khu dân cư quy hoạch ấp Tân Đông 1:

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Điểm dân cư tập trung số 1 (Nằm ở khu vực giáp ranh phía đông khu trung tâm xã, diện tích 17,3 ha). - Điểm dân cư tập trung số 6 (Nằm ở khu vực ngã ba đường QL.14C và ĐH Nông sản – Tân Lập, đường Trạm 2 Lò Than, diện tích 28,25 ha). 3. Khu dân cư quy hoạch ấp Tân Đông 2 – Điểm dân cư tập trung số 2 (Nằm ở khu vực giáp ranh phía nam khu trung tâm xã, diện tích 16 ha). 4. Khu dân cư quy hoạch ấp Tân Tiến: - Điểm dân cư tập trung số 3 (Nằm trên trục quốc lộ 22B, ở khu vực giáp ranh phía tây Bắc khu trung tâm xã, diện tích 27,65 ha). - Điểm dân cư tập trung số 5 (Nằm ở khu vực giáp ranh phía tây Nam khu quy hoạch đô thị Cửa khẩu Xa Mát, nằm trên trục xã TL.14 từ ĐT.791 đi ra QL.22B, diện tích 18,79 ha) 5. Khu dân cư quy hoạch ấp Tân Khai – Điểm dân cư tập trung số 4 (Nằm ở khu vực giáp biên giới Campuchia, khu vực dân cư Chàng Riệc về phía đông Bắc từ khu trung tâm xã, diện tích 81 ha). 6. Khu dân cư quy hoạch ấp Bàu Rã - Điểm dân cư tập trung số 1 (Nằm dọc bên đường ĐT.797 (ĐT Thiện Ngôn, Tân Hiệp), diện tích 4,55 ha.) - Điểm dân cư tập trung số 2 (ấp Suối Mây cũ): Nằm dọc bên đường ĐT.797, diện tích 11,7 ha. - Điểm dân cư tập trung số 5: Nằm dọc ĐH. Thạnh Bình – Xóm Chàm – Suối Tà Bông ở phí Tây Nam của xã Thạnh Bắc, diệc tích 6,5 ha. - Điểm dân cư tập trung số 3 (ấp Thạnh Hiệp cũ): Nằm ở góc giao giữa đường ĐT.793 và đường ĐT.797 (ĐT Thiện Ngôn – Tân Hiệp), diện tích 10,4 ha. 7. Khu dân cư quy hoạch ấp Bàu Bền – Điểm dân cư tập trung số 4 thuộc (Nằm ở phía đông xã, dọc ĐT.793, diện tích 20,8 ha).
68	Xã Tân Biên	1. Khu dân cư ấp Cần Đăng, ấp Tân Biên, ấp Thạnh Tây, ấp Thạnh Trung, đường Phạm Hùng: Đường Phạm Hùng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 2. Khu dân cư ấp Thạnh Sơn, ấp Cần Đăng, ấp Thạnh Nam, đường Nguyễn Văn Linh: Đường Nguyễn Văn Linh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 3. Khu dân cư liên ấp Tân Biên, ấp Thạnh Sơn - Đường Nguyễn Chí Thanh: Đường Nguyễn Chí Thanh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. - Đường ĐT.795: Toàn tuyến đường ĐT.795, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 4. Khu dân cư ấp Thạnh Sơn, ấp Thạnh Nam, đường 30/4: Đường 30/4, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 5. Khu dân cư ấp Tân Biên. - Đường Nguyễn Hữu Thọ: Đường Nguyễn Hữu Thọ, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Đường Nguyễn Minh Châu: Đường Nguyễn Minh Châu, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 6. Khu dân cư Tân Bình: - Đường 783: Đường 783, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. - Đường vòng cung Sân Bay: Đường vòng cung Sân Bay (VT-1), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m và Đường vòng cung Sân Bay (VT-2), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 7. Khu dân cư ấp Thạnh Tân, đường QL.22B: Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 m. 8. Khu dân cư ấp Thạnh Trung, đường QL.22B: Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50m.
69	Xã Thạnh Bình	1. Khu dân cư ấp Sân Bay: Đường quốc lộ 22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét 2. Khu dân cư ấp Thạnh An, ấp Thạnh Lợi, ấp Thạnh Hòa: Đường ĐT 795, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 40 mét.
70	Xã Trà Vong	1. Khu dân cư Trung Tâm xã (xã Mỏ Công cũ): Vị trí ấp Mỏ Công, ấp Dinh nằm dọc theo QL.22B; Diện tích: Khoảng 68 ha 2. Khu dân cư Điểm dân cư ấp Mỏ Công: - Khu dân cư ấp Một cũ nằm về phía đông QL.22B; Diện tích: Khoảng 68 ha. - Khu dân cư Thanh Tân nằm về phía đông Nam trung tâm xã; Diện tích: Khoảng 49 ha 3. Khu dân cư ấp Dinh: - Vị trí ấp Dinh (ấp Thanh Hòa cũ) nằm về phía tây Nam QL.22B; Diện tích: Khoảng 28,6 ha - Vị trí ấp Dinh nằm về phía tây Bắc QL.22B; Diện tích: Khoảng 29,3 ha 4. Khu dân cư ấp Gò Đá: Vị trí ấp Gò Đá dọc theo đường ĐT.781B, gần nút giao ĐT.781B và ĐT.22B; Diện tích: Khoảng 60 ha 5. Khu dân cư ấp Thanh An: Vị trí ấp Thanh An nằm về phía tây xã; Diện tích: Khoảng 46,6 ha 6. Khu dân cư ấp Trà Hiệp: Vị trí ấp Trà Hiệp (ấp Thanh Xuân cũ) nằm về phía đông xã; Diện tích: Khoảng 26,7 ha. 7. Khu dân cư Trung Tâm xã (xã Trà Vong cũ): Vị trí tại khu vực Đảng ủy xã; Diện tích: Khoảng 62,2 ha. 8. Khu dân cư ấp Vườn Tiêu: - Vị trí ấp 2 cũ, dọc đường QL.22B; Diện tích: Khoảng 50,5 ha. - Vị trí ấp 4 cũ, dọc đườngTV-6 giao với đường QL.22B; Diện tích: Khoảng 35,2 ha. 9. Khu dân cư ấp Huỳnh Công Giản: - Vị trí ấp Huỳnh Công Giản (ấp 3 cũ), Bàu Ông Mẹt; Diện tích: Khoảng 41,1 ha. -Vị trí ấp Huỳnh Công Giản (ấp 5 cũ), dọc kênh Tây; Diện tích: Khoảng 36,1 ha.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		10. Khu dân cư ấp Suối Ông Đình: Vị trí ấp Suối Ông Đình, dọc đường QL.22; Diện tích: Khoảng 123,5 ha.
71	Xã Phước Vinh	Khu dân cư dọc theo tuyến đường thuộc phạm vi địa giới hành chính của xã Phước Vinh, tính từ tim đường hiện trạng vào mỗi bên đường vào sâu 50m, gồm: Đường ĐT 788, khu vực ấp Phước Lợi, đoạn từ chợ Phước Vinh đi qua trụ sở UBND xã Phước Vinh 1km và khu vực thuộc ấp Hòa Bình (cách trụ sở UBND xã Hòa Hiệp) cũ mỗi bên vào sâu 500m.
72	Xã Hòa Hội	Khu dân cư các ấp Hiệp Phước, Bến Cầu, Bưng Rò: Trên tuyến ĐH 7 bán kính 500m từ UBND xã.
73	Xã Ninh Điền	1. Khu dân cư ấp Gò Nổi: đường ĐT.796: Đường ĐT.796, tính Từ Mốc Lộ Giới Mỗi Bên vào sâu 100 mét. 2. Khu dân cư ấp Bến Cừ: đường ĐT.796: Đường ĐT.796, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100 mét 3. Khu dân cư liên ấp Bến Sỏi - Thành Long - Phước Tân: đường ĐT.781: Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 70 mét. 4. Khu dân cư ấp Bến Sỏi - Đường ĐT.796: Đường ĐT.796, tính từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 50 mét. - Đường HL.23: Đường HL.23, tính từ mỗi bên vào sâu 35 mét. 5. Khu dân cư ấp Phước Tân, đường ĐH.7: Đường ĐT 781- Ranh Ninh Điền và Hòa Hội, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 35 mét.
74	Xã Châu Thành	1. Khu vực dọc theo các tuyến đường thuộc phạm vi địa giới hành chính của xã Châu Thành, tính từ tim đường hiện trạng vào mỗi bên đường vào sâu 50m, gồm: Quốc lộ 22; Đường 781, Hoàng Lê Kha; Hương lộ 2, Tua Hai – Đồng Khởi; Hương lộ 9; Hương lộ 3, Trưng Nữ Vương. 2. Khu dân cư Ấp Tân Thành, ấp Tam Hạp: - Đường ĐT.781: Điểm đầu vòng xoay xã Châu Thành điểm cuối hết ranh xã Châu Thành. Tính từ mốc lộ giới vào sâu mỗi bên 100 m. - Đường Hoàng Lê Kha: Điểm đầu ngã 4 Tam Hạp.điểm cuối hết ranh xã Châu Thành. Tính từ mốc lộ giới vào sâu mỗi bên 100 m. 4. Khu dân cư liên ấp Thanh An - An Bình, đường Hương lộ 9: Điểm đầu ngã 4 Tam Hạp điểm cuối hết ranh xã Châu Thành (giáp Hương lộ 10). Tính từ mốc lộ giới vào sâu mỗi bên 50 m. 5. Khu dân cư liện ấp Bình Phong – Bình Long: đường ĐT.781 - QL.22B - ĐT.781: Điểm đầu giáp ranh Phường Tân Ninh điểm cuối ngã 4 Tam Hạp. Tính từ mốc lộ giới vào sâu mỗi bên 100 m. 6. Khu dân cư thuộc khu chung cư Bình Hòa: Toàn bộ khu dân cư 7. Khu dân cư Bình Long: đường Trưng Nữ Vương: Điểm đầu giáp ranh Phường Tân Ninh điểm cuối giao quốc lộ 22B. Tính từ mốc lộ giới vào sâu mỗi bên 100 m.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
75	Xã Hảo Đước	1. Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 40 mét. - Điểm đầu từ ngã ba đường ĐT.781 giao với đường số 7 - Điểm cuối: Đến ngã ba đường ĐT.781 giao với đường liên xã. 2. Đường Hoàng Lê Kha, tính từ mốc lộ giới hướng Bắc đường Hoàng Lê Kha vô sâu 100 mét, hướng Nam đường Hoàng Lê Kha vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ ranh xã Hảo Đước giáp xã Châu Thành; - Điểm cuối: Đến ngã ba Trí Bình (ấp Xóm Ruộng, xã Hảo Đước); 3. Đường HL.3, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ nhà ông Nguyễn Thành Phát (thửa đất số 844, tờ bản đồ số 35) thuộc ấp Bàu Sen; - Điểm cuối: Đến nhà ông Đoàn Văn Tròn (thửa đất số 426, tờ bản đồ số 35), thuộc ấp Bàu Sen; 4. Đường ĐT.788, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ cầu Vịnh (ấp Vịnh) và điểm cuối đến kênh TN 25 (ấp Sa Nghe); 5. Đường ĐT.788, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét- Điểm đầu: Từ kênh TN 25 và điểm cuối: đến nhà ông Phạm Văn Bun (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 57).
76	Xã Long Chữ	Khu dân cư Long Hòa (Đường ĐT 786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét).
77	Xã Long Thuận	1. Khu dân cư dọc theo hai bên tuyến đường ĐT 786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét). Điểm đầu từ cầu Xóm Khách (giáp xã Long Chữ), điểm cuối Kênh N1 ấp Long Phi (giáp ranh xã Bến Cầu). 2. Khu dân cư dọc theo hai bên tuyến đường Long Khánh- Bàu Nổ, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét). Điểm đầu từ Ban CHQS xã Long Thuận mới (UBND xã Long Khánh cũ), điểm cuối đường tuần tra biên giới. 3. Khu dân cư dọc theo hai bên tuyến đường Long Hòa-Long Hưng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét). Điểm đầu từ UBND xã Long Thuận mới, điểm cuối Nhà văn hóa ấp Ngã Tắc. 4. Khu dân cư dọc theo hai bên tuyến đường ấp Long An, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét). Điểm đầu từ UBND xã Long Thuận mới, điểm cuối đường tuần tra biên giới. 5. Khu dân cư dọc theo hai bên tuyến đường Long Giang-Long Phước, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét). Điểm đầu từ UBND xã Long Giang cũ, điểm cuối giáp ranh xã Long Chữ (mới).
78	Xã Bến Cầu	1. Khu dân cư ấp Mộc Bài, ấp Thuận Bắc, ấp Bàu Gõ, ấp Thuận Chánh (đường Nguyễn Văn Độ), từ vòng xuyến UBND xã Bến Cầu đến Trụ sở UBND xã Lợi Thuận (cũ), từ lộ giới vào sâu mỗi bên 50m 2. Khu dân cư ấp ấp Thuận Chánh, áp Bàu Gõ, ấp Thuận Hòa, từ nhà Bia tưởng niệm đến ngã ba Địa Đạo Lợi Thuận, từ lộ giới vào sâu mỗi bên 50m 3. Khu dân cư ấp Mộc Bài, ấp Thuận Bắc, ấp Rừng Dầu, ấp Tân Lập, từ cầu Đìa Xù tuyến đường ĐH lộ 786 đến giáp ranh xã Long Thuận, tỉnh Tây Ninh, từ lộ giới vào sâu mỗi bên 50m

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		4. Khu dân cư ấp Thuận Bắc, ấp Mộc Bài, ấp Thuận Lâm, ấp Bàu Tép, ấp Bến Đình từ vòng xuyến UBND xã Bến Cầu đến hết đường Nguyễn Trung Trực, từ lộ giới vào sâu mỗi bên 50m. 5. Khu dân cư ấp Thuận Tây, ấp Voi, ấp Chánh, ấp Bến đường Quốc lộ 22A đoạn từ cửa khẩu quốc tế Mộc Bài đến giáp cầu Gò Dầu, từ lộ giới vào sâu mỗi bên 50m.
79	Phường Kiến Tường	1. Khu phố 1. 2. Khu phố 2. 3. Khu phố 3. 4. Khu Phố 4. 5. Khu phố 5: Từ kênh Huyện ủy vào trung tâm Phường và từ đường nhánh theo quy hoạch đường tránh Quốc lộ 62 vào trung tâm phường. 6. Khu phố 6. 7. Khu phố 7: Từ kênh Cửa Đông 3 vào trung tâm phường. 8. Khu phố 8
80	Phường Long An	1. Khu phố 1. 2. Khu phố 2. 3. Khu phố 3. 4. Khu phố Tân Xuân 1. 5. Khu phố Tân Xuân 2. 6. Khu phố Tân Xuân 3. 7. Khu phố Tân Xuân 4. 8. Khu phố Bình Lập 1. 9. Khu phố Bình Lập 2. 10. Khu phố Bình Lập 3. 11. Khu phố Bình Yên Đông 1 12. Khu phố Bình Yên Đông 2 13. Khu phố Bình Yên Đông 3 14. Khu phố Bình Đông 1. 15. Khu phố Bình Đông 2. 16. Khu phố Bình Quân 1. 17. Khu phố Bình Quân 2. 18. Khu phố Bình Phú. 19. Khu phố Phú Nhơn. 20. Khu phố Bình Cư.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		21. Khu phố Thanh Xuân (Ngoại trừ khu vực từ rạch Cai Trung- Sông Vàm Cỏ Tây đến ranh Khu phố Thanh Xuân (cũ) trước sáp nhập, có tọa độ: X=571281.2265 Y=1168080.1250, X=572602.6700 Y=1168094.7500, X=572051.4426 Y=1166484.9220). 22. Khu phố Nhơn Bình. 23. Khu phố Nhơn Hoà. 24. Khu phố Bình An. 25. Khu phố Xuân Hòa 1. 26. Khu phố Xuân Hòa 2. 27. Khu phố An Bình.
81	Phường Tân An	1. Khu phố Bình An. 2. Khu phố An Thuận.
82	Phường Khánh Hậu	1. Khu phố Thủ Tữu. 2. Khu phố Nhơn Hậu. 3. Khu phố Quyết Thắng. 4. Khu phố Tường Khánh.
83	Phường Bình Minh	1. Khu Phố Ninh Lộc 2. Khu phố Ninh Thọ 3. Khu phố Ninh Trung 4. Khu phố Ninh Phú (Ngoại trừ một phần Khu phố Thạnh Đông cũ ranh giới theo đường Trần Phú và đường Khedol - Suối Đá và một phần khu phố Thạnh Lợi cũ ranh giới theo đường Trần Phú trước sắp xếp): Diện tích 3732,84 ha. 5. Khu phố Tân Hòa (Phạm vi khu phố Ninh Thành cũ trước sắp xếp khu phố, diện tích 204,75ha, ranh giới bao quanh bởi đường Trần Phú, đường số 22, đường Trần Văn Trà và rạch Tây Ninh). 6.Khu phố Bình Trung: Phạm vi khu phố Bình Trung cũ trước sáp nhập khu phố, đường Trần Văn Trà: - Hẻm 82, đường 22 đoạn từ đường số 22 đến hết ranh đường nhựa hẻm 82, mỗi bên 100m tính từ mép đường hiện trạng; - Đường số 11, đoạn từ đường Trần Văn Trà đến đến hết ranh phường Bình Minh, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng. 7. Khu phố Tân Hoà + Khu phố Bình Trung (Phạm vi khu phố Ninh Thành cũ trước sắp xếp khu phố, ranh giới bao quanh bởi đường Trần Phú, đường số 22, đường Trần Văn Trà và rạch Tây Ninh): - Đường Trần Văn Trà, đoạn từ đường Huỳnh Công Thắng đến đường Trần Phú, mỗi bên 100m tính từ mép đường hiện trạng;

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Hẻm 47, đường 22 đoạn từ đường số 22 đến ranh hẻm số 17 đường số 22, mỗi bên 100m tính từ mép đường hiện trạng; - Hẻm 17, đường 22 đoạn từ đường số 22 đến ranh hẻm số 47 đường số 22, mỗi bên 100m tính từ mép đường hiện trạng. 8. Khu phố Thạnh Hiệp: - Đường Nguyễn Văn Trỗi (Lộ 12A), đoạn từ đường 785 (Trần phú) đến đường ĐH lộ 793, mỗi bên 100 mét tính từ mép đường hiện trạng; - Đường Nguyễn Khuyến, đoạn từ đường ĐH lộ 793 đến đường Đặng Thuỳ Trâm, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng; - Đường liên xã, đoạn từ đường Lộ 10 đến đến đường Nguyễn Văn Trỗi, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng. 9. Khu phố Thạnh Đông + Thạnh Hiệp: Đường Lộ 10, đoạn từ Ngã 3 Mỹ Hương đến hết ranh phường Bình Minh, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng. 10. Khu phố Tân Hoà + Khu phố Bình Trung: Đường số 22, đoạn từ Cầu Bến Dầu đến ngã tư đèn đỏ, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng. 11. Khu phố Tân phước: Đường Đặng Thuỳ Trâm, đoạn từ đường Kênh tây đến đường đường Nguyễn Văn Trỗi, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng. 12. Khu phố Giồng Cà + Khu phố Bình Trung: Đường số 23, đoạn từ ngã tư đèn đỏ đến hết đường nhựa mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng. Khu phố Giồng Cà: Đường số 31, đoạn từ đường Trần Văn Trà đến đến hết đường nhựa, mỗi bên 100m tính từ đường hiện trạng.
84	Phường Ninh Thạnh	1. Khu phố Ninh Hòa. 2. Khu phố Ninh Lợi. 3. Khu phố Ninh Phước: Bao gồm khu vực Đường ĐT781 hướng từ ranh Hòa Thành đi cầu K13. Trong đó: Bên trái lấy đến ranh Khu phố Ninh Lợi và khu phố Bàu Năng. Bên phải: lấy vào sâu 200m tính từ mốc lộ giới. 4. Khu phố Ninh Nghĩa: - Bao gồm khu vực Đường Điện Biên Phủ: đoạn giáp ranh khu phố Ninh hòa đến cầu K18. - Khu vực thực hiện Đồ án quy hoạch phân khu Khu đô thị phụ cận phục vụ Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen: Theo quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Khu đô thị phụ cận Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen phía nam đường ĐT 790

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		(379ha) và quy hoạch chi tiết Khu trung tâm Khu đô thị phụ cận (92.34ha). Dự án đã được tỉnh tổng hợp vào danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025-2030 theo đúng đồ án quy hoạch được duyệt: phía bắc giáp Đường ĐT 790; phía nam giáp Tuyến điện DZ 220 Dầu Tiếng – Tây Ninh; phía đông giáp ranh xã Dương Minh Châu (Đường Sân đình 1); phía tây giáp: Đường ĐT 784. 5. Khu phố Bàu Năng: Bao gồm khu vực Đường ĐT781 hướng từ hướng từ vũng rau muống đi cầu K13. Trong đó bên trái lấy đến ranh Khu phố Ninh Phú; Bên phải: lấy vào sâu 500m tính từ mốc lộ giới (tính từ ranh khu phố Ninh Phước đến đường số 5-5); lấy hết đến ranh Hòa Thành (tính từ đường 5-5 đến ranh Hòa Thành). 6. Khu phố Ninh Bình: Đường ĐT784C (hướng từ ngã 3 Bàu Năng đến ngã 3 Bàu Cóp) toàn bộ khu dân cư bên trái đến ranh đường ĐT784, bên phải cách 100 m tính từ mốc lộ giới. 7. Khu phố Ninh Hưng: Đường Chà Là - Trường Hòa: 02 bên đường vào sâu 100 m tính từ mốc lộ giới. 8. Khu phố Ninh Bình, Ninh Hưng, Ninh Hòa, Bình Linh: đường ĐT784 hướng từ cầu K13 đi Cầu Khởi, mỗi bên đường vào sâu 100 m tính từ mốc lộ giới. 9. Khu phố Ninh Bình, Ninh Hưng: Khu vực thực hiện Đồ án quy hoạch phân khu Khu đô thị mới Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh: Theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh, Quy mô đất đai toàn khu 288,57ha. Quy mô quy hoạch chi tiết dự kiến 55,75ha: phía bắc giáp đường ĐT781 và đường ĐT784C; phía nam giáp Kênh TN5; phía đông giáp đường ĐT784; phía tây giáp đường hiện trạng.
85	Phường Long Hoa	1. Khu phố 1 2. Khu phố 2 3. Khu phố 3 4. Khu phố 4 5. Khu phố Long Mỹ 6. Khu phố Long Tân 7. Khu phố Long Đại 8. Khu phố Long Thời 9. Khu phố Long Thành Bắc 10. Khu phố Trường Thọ 11. Khu phố Trường Thiện 12. Khu phố Trường Cửu 13. Khu phố Trường Lưu 14. Khu phố Trường Ân 15 Khu phố Trường An

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		16. Khu phố Trường Lộc 17. Khu phố Long Hải 18. Khu phố Trường Giang
86	Phường Hoà Thành	1. Khu phố Long Thới 2. Khu phố Long Kim 3. Khu phố Long Trung 4. Khu phố Long Chí 5. Khu phố Long Thành 6. Khu phố Long Bình 7. Khu phố Long Yên 8. Khu phố Long Khương 9. Khu phố Giang Tân 10. Khu phố Bến Kéo (Trừ khu vực từ Cầu Gò Duối đến rạch Tây Ninh)
87	Phường Thanh Điền	1. Khu phố Hiệp Trường. 2. Khu phố Hiệp Long. 3. Khu phố Hiệp Hòa. 4. Khu phố Hiệp An.
88	Phường Trảng Bàng	1. Khu phố An Hội (Ngoại trừ Khu phố An Thới trước sắp xếp, điểm đầu: Giáp ranh khu phố Bình Nguyên, phường Gò Dầu – điểm cuối: Giáp ranh Rạch Môn phường Gò Dầu, diện tích: 200ha), 2. Khu phố Lộc An. 3. Khu phố Gia Huỳnh và các tuyến tiếp giáp đường QL 22, đường ĐH lộ 787B từ mốc lộ giới mỗi bên vào sâu 100m (Ngoại trừ 1 phần khu phố Gia Huỳnh được sáp nhập từ phường Gia Lộc, diện tích 306,64 ha). 4. Khu phố An Quới. 5. Khu phố Lộc Du.
89	Phường An Tịnh	1. Khu dân cư Suối sâu, đường Suối Sâu – An Đước - Tịnh Phong: tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét. - Điểm đầu: Từ ngã tư chốt đèn đỏ (GPS: 11.0182300,106.4027122). - Điểm cuối: Ngã tư giao nhau với đường Rừng Rong (GPS: 11.0240721,106.4004081). 2. Khu dân cư Suối Sâu - An Khương: tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét - Điểm đầu: Từ cổng chào khu công nghiệp Linh Trung 3 (GPS: 11.0180128,106.4026137). - Điểm cuối: Ngã ba An Khương (GPS: 11.0119568,106.3756443). 3. Khu dân cư An Bình - An Khương: Đường HL.2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét.

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Điểm đầu: Từ ngã 3 An khương về hướng An Bình - Bố Heo (GPS: 11.0376782,106.3873908). - Điểm cuối: Đoạn giao nhau giữa ngã tư nhà ông Lân đường An Bình đi cầu Sắt Gia Lộc (GPS: 11.0119568,106.3756443). 4. Khu dân cư Suối Sâu - An Bình: Đường QL.22, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét. - Điểm đầu: Từ cầu Trưởng Chừa (GPS:11.030633,106.369877). - Điểm cuối: Đến cổng chào tỉnh Tây Ninh (GPS: 11.015739,106.407864). 5. Khu dân cư Lộc Hưng, đường HL.2 (đường ĐT. 787): tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ ngã ba Lộc Hưng (GPS: 11.088994,106.374316). - Điểm cuối: Giáp khu phố Lộc Tân, (GPS: 11.097782,106.388086). 6. Khu dân cư Lộc Tân - Lộc Hưng, đường ĐT.787B: tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ cống Mười Tai khu phố Lộc Tân đi Hưng Thuận (GPS: 11.094448,106.384709). - Điểm cuối: Đến ngã 3 đường Chùa Mội (GPS: 11.079429,106.370424). 7. Đường ĐT.787 - HL.2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ đường ĐT.787 (GPS: 11.090531,106.378334). - Điểm cuối: Đến giáp đường HL.2 (GPS: 11.086842,106.383769). 8. Đường HL. 2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ khu phố Lộc Tân (GPS: 11.091734, 106.380760). - Điểm cuối: Đến đường vào khu phố Lộc Chánh (GPS: 11.085575,106.383541). 9. Đường Lộc Vĩnh - Sông Lô, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: Từ Lộc Tân (GPS: 11.089599, 106.383513). - Điểm cuối: Đến đầu Kênh N 22 (GPS: 11.087575,106.387438).
90	Phường Gò Dầu	1. Khu phố Rạch Sơn. 2. Khu phố Thanh Hà. 3. Khu phố Thanh Bình: Toàn bộ Khu phố Thanh Bình A, Thanh Bình C cũ; dọc QL.22 vào sâu 100 m tính từ lộ giới (thuộc một phần khu phố Trâm Vàng 2 cũ). 4. Khu phố Nội Ô: Toàn bộ Khu phố Nội Ô B, Thanh Bình B cũ; dọc QL.22 vào sâu 100 m tính từ lộ giới (thuộc một phần khu phố Trâm Vàng 2 cũ). 5. Khu phố Bình Nguyên: - Một phần Khu phố Chánh cũ. - Đường Bình Nguyên 1: 100 m mỗi bên tính từ mốc lộ giới, điểm đầu từ Nhà thờ Bình Nguyên giáp QL.22 và điểm cuối giáp với đường Bình Nguyên 2 - Đường Bình Nguyên 2: 100m mỗi bên tính từ mốc lộ giới. bắt đầu từ QL.22 đến hết khu dân cư hiện tại tọa độ (GPS: 11.050421, 106.300410)

STT	Tên xã/phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		6. Khu phố Gia Bình: - Toàn bộ Khu phố Phước Hiệp, Phước Hậu, một phần Khu phố Chánh cũ. - Đường ĐT 782 đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu Cây Trường vô 50 m (thuộc một phần khu phố Xóm Đồng cũ). 7. Khu phố Trâm Vàng - Dọc QL.22 vào sâu 100 m tính từ lộ giới. - Đường Cầu Sao – Xóm Đồng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. 8. Khu phố Xóm Mới: Đường Hương lộ 1, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét. 9. Khu phố Cây Xoài: Đường Hương lộ 1, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét. 10. Khu phố Thanh Phước: - Dọc QL.22 vào sâu 100 m tính từ mốc lộ giới, đoạn từ giáp ranh Trâm Vàng đến cầu vượt Hồ Chí Minh (thuộc một phần Bình Nguyên 1 cũ). - Đường Cầu Sao – Xóm Đồng: 50m mỗi bên tính từ mốc lộ giới. - Đường ĐT 782: 50m mỗi bên tính từ mốc lộ giới, điểm đầu giáp đường Cây Me và tiếp giáp đường Hồ Chí Minh.
91	Phường Tân Ninh	Toàn bộ khu vực Phường.
92	Phường Gia Lộc	Toàn bộ khu vực Phường.
93	Xã Mỹ Yên	Toàn bộ khu vực Xã.
94	Xã Tân Đông	Xã không quy định chi tiết Khu, Cụm, Tuyến dân cư không được phép chăn nuôi.
95	Xã Tân Hòa	
96	Xã Tân Thành	